

BẢN SAO

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực **20146** Quyển số **1** SCT/BS
Ngày **23-03-2025**
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Xuân Chung

Thành phố Hồ Chí Minh – Tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 50

M.S.D.A.
★

★
THÀNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 là 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên
Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên
Ông La Văn Tốt	Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 21/5/2025)
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 24/6/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Lẹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh số 7.2, bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính giữa niên độ và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Số: 232/2025/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 26/8/2025, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.546.954.670.164	1.646.286.558.124
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	175.398.683.453	189.258.492.532
1. Tiền	111		137.398.683.453	108.258.492.532
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	81.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	29.651.205.994	16.151.205.994
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.651.205.994	16.151.205.994
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		790.427.408.595	899.927.410.921
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	590.057.324.431	707.515.475.503
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	62.884.992.993	81.007.023.245
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	139.371.342.688	113.438.019.766
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.9	(1.886.251.517)	(2.033.107.593)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	494.890.351.953	442.016.202.145
1. Hàng tồn kho	141		495.633.030.560	443.351.420.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(742.678.607)	(1.335.218.039)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56.587.020.169	98.933.246.532
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	6.996.360.440	10.435.232.071
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.962.140.260	86.618.539.200
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	6.628.519.469	1.879.475.261
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		430.213.535.437	448.635.191.160
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.291.265.469	27.291.265.469
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	21.291.265.469	27.291.265.469
II. Tài sản cố định	220		176.118.648.911	180.245.464.931
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	167.970.707.606	174.311.256.365
- Nguyên giá	222		781.249.507.844	780.837.067.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(613.278.800.238)	(606.525.810.785)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	8.147.941.305	5.934.208.566
- Nguyên giá	228		45.543.818.863	42.766.818.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.395.877.558)	(36.832.610.297)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.548.265.514	4.541.477.414
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	11.548.265.514	4.541.477.414
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	177.991.747.134	195.716.895.555
1. Đầu tư vào Công ty con	251		113.985.268.520	113.985.268.520
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		79.216.920.657	96.466.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.256.863.385	31.256.863.385
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(46.467.305.428)	(45.992.157.007)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		43.263.608.409	40.840.087.791
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	43.263.608.409	40.840.087.791
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.977.168.205.601	2.094.921.749.284

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.551.207.158.798	1.690.852.858.287
I. Nợ ngắn hạn	310		1.498.595.012.572	1.631.319.307.305
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	213.055.616.491	176.044.814.043
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	30.744.879.721	33.016.896.452
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	9.996.456.480	5.690.992.100
4. Phải trả người lao động	314		34.253.783.481	75.467.467.475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	40.905.261.724	49.746.954.756
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	17.739.804.616	1.462.684.176
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	16.804.262.238	10.192.537.560
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.105.365.154.818	1.256.211.469.895
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		29.729.793.003	23.485.490.848
II. Nợ dài hạn	330		52.612.146.226	59.533.550.982
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	25.642.146.226	25.569.273.282
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	3.000.000.000	9.994.277.700
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	23.970.000.000	23.970.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		425.961.046.803	404.068.890.997
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	425.961.046.803	404.068.890.997
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		48.242.591.185	45.642.229.475
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		177.718.455.618	158.426.661.522
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		146.464.997.657	106.419.427.332
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.253.457.961	52.007.234.190
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.977.168.205.601	2.094.921.749.284

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyên

Nguyễn Ngọc Lân



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.251.588.294.226	1.207.736.104.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3.630.796.557	2.480.020.367
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	1.247.957.497.669	1.205.256.083.861
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	1.001.120.800.638	977.970.644.777
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		246.836.697.031	227.285.439.084
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	35.938.102.777	32.899.631.833
7. Chi phí tài chính	22	6.6	34.184.899.153	32.996.817.483
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.930.064.647	21.219.383.007
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	112.499.104.519	103.772.697.157
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	104.822.390.291	95.827.741.222
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		31.268.405.845	27.587.815.055
11. Thu nhập khác	31	6.9	3.309.723.365	4.787.721.480
12. Chi phí khác	32	6.9	19.302.817	63.448.155
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.9	3.290.420.548	4.724.273.325
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		34.558.826.393	32.312.088.380
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	3.305.368.432	3.778.245.763
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		31.253.457.961	28.533.842.617

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu



Đặng Minh Tuyền



Nguyễn Ngọc Lan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.558.826.393	32.312.088.380
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		16.522.500.847	18.158.625.916
- Các khoản dự phòng	03		(264.247.087)	275.257.051
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(23.041.498.775)	(16.979.244.061)
- Chi phí lãi vay	06		25.930.064.647	21.219.383.007
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		53.705.646.025	54.986.110.293
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		184.203.787.429	(21.037.657.954)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(52.281.610.376)	(107.112.666.178)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.113.330.360	12.464.951.006
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.015.351.013	(973.684.559)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.930.064.647)	(22.096.125.447)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.455.927.701)	(5.354.241.128)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.117.000.000)	(3.882.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		149.253.512.103	(93.006.013.967)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.568.299.515)	(36.828.290.325)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		651.523.860	961.548.891
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.500.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	5.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.149.769.550	5.036.546.303
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.267.006.105)	(30.830.195.131)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

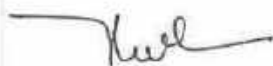
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8.900.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.119.349.189.753	1.109.063.220.650
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.270.195.504.830)	(1.045.243.992.411)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(150.846.315.077)</i>	<i>72.719.228.239</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(13.859.809.079)	(51.116.980.859)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	189.258.492.532	129.667.196.220
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	175.398.683.453	78.550.215.361

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyền

Nguyễn Ngọc Lân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 là 200.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/6/2025: 2.879 người (tại ngày 31/12/2024 là: 2.980 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;...

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc cho thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
A. Công ty con						
1	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Ấp Bình Tạo xã Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Hoàn thiện sản phẩm dệt	51,00%	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường Vị Thanh, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	55,56%	55,56%	55,56%
3	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 9, đường Phú Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	55,00%	55,00%	55,00%
4	Công ty Cổ phần May Bình Định	Số 105, đường Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,84%	51,84%	51,84%
5	Công ty Cổ phần May Tam Quan	Cụm công nghiệp Tam Quan, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
6	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Số 204, đường Thống Nhất, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
7	Công ty Cổ phần May Gia Lai	Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Sst	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
B.	Công ty liên kết					
	Công ty TNHH May Nhà Bè					
	• Đức Linh					
1	(Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) (i)	Số 68 Nguyễn Khuyến, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	0,00%	0,00%	0,00%
2	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Ấp Bình Tạo, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	43,89%	43,89%	43,89%
3	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quốc lộ 60, phường Sóc Trăng, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	36,00%	36,00%	36,00%
4	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Thôn Mũi Đá, phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Kinh doanh địa điểm lưu trú	47,00%	47,00%	47,00%
5	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	47,50%	47,50%	47,50%
6	Công ty Cổ phần May An Nhơn	Số 71, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	45,90%	45,90%	45,90%
7	Công ty Cổ phần May 9	Số 215 Hùng Thao, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	26,78%	26,78%	26,78%
8	Công ty Cổ phần NBC Logistics	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ vận tải	28,58%	28,58%	28,58%
9	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Số 90 Bis Tôn Thất Thuyết, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh máy móc thiết bị	40,98%	40,98%	40,98%
10	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh máy móc thiết bị	30,00%	30,00%	30,00%

- (i) Trong tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) với giá trị vốn góp là 17.250.000.000 VND cho Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè, giá phí chuyển nhượng bằng giá gốc. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh không còn là Công ty liên kết của Tổng Công ty.

Sst	Tên đơn vị	Địa chỉ
C.	Các đơn vị trực thuộc	
1	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xi nghiệp May Bình Phát	Lô số 1, Khu Công nghiệp Dệt may Bình An, khu phố Ngã Thính, phường Đồng Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xi nghiệp May Bảo Lộc	Số 54 đường Phạm Ngọc Thạch, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
3	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xi nghiệp May Kon Tum	Km3 - Quốc lộ 14, phường Đắk Bì, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
4	Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định	Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
5	Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc	Số 02, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội	Số 02, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
7	Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại Vương Quốc Anh	2nd Floor Prospect House, Columbus Quay, Riverside Drive, Liverpool, L13 4DB

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

- (i) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Tổng Công ty cổ giao dịch ngoại tệ tại ngày 30/6/2025.
- (ii) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Tổng Công ty cổ giao dịch ngoại tệ tại ngày 30/6/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ

Chi phí tư vấn, đào tạo, quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong kỳ, có 0 đồng (kỳ trước: 765.809.411 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí gia công, chi phí mua nguyên liệu, vật liệu, chi phí khuyến mãi, chiết khấu, chi phí lãi vay phải trả và chi phí khác.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê mặt bằng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (hàng may mặc) và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng và dịch vụ đi kèm).

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ chênh lệch tỷ giá khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu và chiết khấu thanh toán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	14.713.816.241	11.408.206.663
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	122.684.867.212	96.850.285.869
Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	81.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>38.000.000.000</i>	<i>81.000.000.000</i>
Tổng	175.398.683.453	189.258.492.532

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,4%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	29.651.205.994	29.651.205.994	16.151.205.994	16.151.205.994
Tổng	29.651.205.994	29.651.205.994	16.151.205.994	16.151.205.994

(i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 13 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 9,5%/năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền 2.651.205.994 VND tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô đang được cầm cố, thế chấp để bảo lãnh thực hiện cho hợp đồng kinh tế của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ		30/06/2025					01/01/2025		
		Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá trị		Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị			
				hợp lý (VND)	hợp lý (VND)			hợp lý (VND)	hợp lý (VND)		
Đầu tư vào Công ty con											
1	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%	113.985.268.520		(15.300.000.000)	113.985.268.520		(15.300.000.000)		
2	Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%	51,00%	17.850.000.000		-	27.782.000.000		-		
3	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%	15.300.000.000		(15.300.000.000)	15.300.000.000		(15.300.000.000)		
4	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%	25.500.000.000		-	25.500.000.000		-		
5	Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%	51,84%	11.535.620.000		-	11.535.620.000		-		
6	Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%	51,00%	10.200.000.000		-	10.200.000.000		-		
7	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%	55,00%	5.817.648.520		-	5.817.648.520		-		
Đầu tư vào Công ty liên kết											
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh											
1	(Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) (ii)	0,00%	0,00%	-		-	17.250.000.000		-		
2	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%	15.360.000.000		-	15.360.000.000		-		
3	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	15.120.000.000		(15.120.000.000)	15.120.000.000		(15.120.000.000)		
4	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%	14.900.000.000		(4.324.912.599)	14.900.000.000		(4.324.912.599)		
5	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	47,50%	47,50%	9.500.000.000		(9.500.000.000)	9.500.000.000		(9.500.000.000)		
6	Công ty Cổ phần May An Nhơn	45,90%	45,90%	9.180.000.000		-	9.180.000.000		-		
7	Công ty Cổ phần May 9	26,78%	26,78%	5.227.920.657		(939.094.885)	5.227.920.657		(939.094.885)		
8	Công ty Cổ phần NBC Logistics	28,58%	28,58%	3.429.000.000		-	3.429.000.000		-		
9	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	40,98%	40,98%	5.000.000.000		-	5.000.000.000		-		
10	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	1.500.000.000		-	1.500.000.000		-		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ		Giá gốc (VND)	Giá trị		Dự phòng (VND)	Giá trị		
		Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)		hợp lý (VND)	hợp lý (VND)		Dự phòng (VND)	hợp lý (VND)	
Đầu tư vào đơn vị khác										
1	Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	6,45%	6,45%	31.256.863.385	(i)	(i)	(783.297.944)	31.256.863.385	(i)	(135.462.730)
2	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	7.161.920.000	(i)	(i)	-	7.161.920.000	(i)	(135.462.730)
3	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (iii)	2,61%	2,61%	5.802.843.385	(i)	(i)	-	5.802.843.385	(i)	-
4	Công ty Cổ phần Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	15,00%	5.337.100.000	(i)	(i)	-	5.337.100.000	(i)	-
5	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	5,00%	5,00%	5.250.000.000	(i)	(i)	-	5.250.000.000	(i)	-
6	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%	4.225.000.000	(i)	(i)	-	4.225.000.000	(i)	-
Tổng				224.459.052.562			(46.467.305.428)	241.709.052.562		(45.992.157.007)

(i) Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Trong tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) với giá trị vốn góp là 17.250.000.000 VND cho Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè, giá phí chuyển nhượng bằng giá gốc. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh không còn là Công ty liên kết của Tổng Công ty.

(iii) Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP căn cứ trên giá đóng cửa của cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 30/6/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
BMB Clothing Group	32.225.961.184	35.097.506.252
Arcadia Group Brands Ltd.	4.206.480.004	4.206.480.004
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	32.750.303.316	32.750.303.316
Haggar Clothing Co	15.806.480.387	75.927.992.714
Motives (Far East) Ltd.	22.995.663.512	61.864.466.325
Punto FA,S.L	70.180.397.771	142.258.466.414
Công ty Cổ phần May Gia Lai	4.214.249.892	7.325.767.909
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	362.045.160	301.453.918
Phải thu các đối tượng khác	407.315.743.205	347.783.038.651
Tổng	590.057.324.431	707.515.475.503
<i>Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>154.091.115.420</i>	<i>151.459.873.065</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	15.349.363.515	15.649.233.733
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	438.002.898	5.899.802.041
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	40.702.090.132	53.079.126.335
Đối tượng khác	6.395.536.448	6.378.861.136
Tổng	62.884.992.993	81.007.023.245
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>57.423.553.085</i>	<i>81.532.219.787</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.5 Phải thu khác

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	139.371.342.688	(148.718.573)	113.438.019.766	(295.574.648)
Phải thu các Công ty con, công ty liên kết, trong đó:	65.761.534.616	-	64.444.173.169	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	16.689.979.597	-	16.116.764.721	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	7.423.237.451	-	6.999.994.988	-
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	15.586.944.629	-	15.266.040.521	-
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	24.989.510.833	-	24.989.510.833	-
Các Công ty khác	1.071.862.106	-	1.071.862.106	-
Phải thu cổ tức	5.324.784.976	-	3.383.618.976	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	-	284.954.234	-
Phải thu tạm ứng	10.429.228.394	-	8.933.060.602	-
Phải thu người lao động (i)	44.414.324	-	49.902.682	-
Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn Cầu (ii)	25.026.230.000	-	19.180.230.000	-
Công ty Cổ phần May Veston Đức Linh (iii)	1.519.993.027	-	1.519.993.027	-
Phải thu tiền chuyển nhượng vốn Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (iv)	17.250.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	129.699.310	-	142.357.595	-
Phải thu khác	13.885.458.041	(148.718.573)	15.499.729.481	(295.574.648)
b) Dài hạn	21.291.265.469	-	27.291.265.469	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	830.555.553	-	830.555.553	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	12.700.000.000	-	12.700.000.000	-
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	6.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.760.709.916	-	1.760.709.916	-
Tổng	160.662.608.157	(148.718.573)	140.729.285.235	(295.574.648)
<i>Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)</i>	<i>104.139.849.145</i>	<i>-</i>	<i>88.329.616.592</i>	<i>-</i>

- (i) Tiền ăn giữa ca tạm ứng trước cho người lao động.
- (ii) Đây là số tiền ủy thác theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 01.24/NBC-GAA ngày 25/3/2024 giữa Tổng Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn cầu (Bên B) về việc Bên A ủy thác cho Bên B sử dụng số tiền ủy thác đầu tư mở pháp nhân là Công ty May mặc thời trang.
- (iii) Tổng Công ty chỉ hộ cho Công ty Cổ phần May Veston Đức Linh về dự án Đức Linh 2.
- (iv) Khoản phải thu Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè liên quan đến tiền chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	172.692.323	-	6.778.800	-
Nguyên liệu, vật liệu	120.402.134.401	-	103.181.711.473	-
Công cụ, dụng cụ	5.469.953.095	-	4.852.484.495	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	262.556.314.206	-	212.025.418.466	-
Thành phẩm	61.347.056.131	(742.678.607)	66.934.985.533	(1.335.218.039)
Hàng hóa	14.141.275.854	-	17.849.339.232	-
Hàng gửi bán	31.543.604.550	-	38.500.702.185	-
Tổng	495.633.030.560	(742.678.607)	443.351.420.184	(1.335.218.039)

5.7 Chi phí trả trước

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	6.996.360.440	10.435.232.071
Chi phí thuê mặt bằng	515.289.831	2.322.104.509
Chi phí bảo hiểm	1.297.896.861	2.384.820.419
Chi phí quảng cáo	1.101.213.330	684.702.524
Chi phí công cụ dụng cụ	1.009.857.145	605.046.892
Chi phí sửa chữa	335.312.970	1.398.484.921
Chi phí khác	2.736.790.303	3.040.072.806
b) Dài hạn	43.263.608.409	40.840.087.791
Chi phí thuê đất (i)	11.776.277.254	12.001.911.508
Chi phí sửa chữa	14.217.868.689	9.942.606.787
Chi phí công cụ dụng cụ	10.306.475.809	11.382.868.281
Chi phí tư vấn, đào tạo	749.999.994	999.999.996
Chi phí quảng cáo	1.070.587.810	113.309.647
Chi phí khác	5.142.398.853	6.399.391.572
Tổng	50.259.968.849	51.275.319.862

(i) Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Bình An, khu phố Ngãe Thẳng, phường Đồng Hòa, Tp. Hồ Chí Minh với thời gian thuê đến tháng 10/2061.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Mua sắm tài sản cố định	9.169.065.514	4.541.477.414
Mua sắm máy móc thiết bị	9.169.065.514	4.541.477.414
Sửa chữa tài sản cố định	2.379.200.000	-
Nâng cấp, cải tạo Cụm Công nghiệp Cát Trinh	2.379.200.000	-
Tổng	11.548.265.514	4.541.477.414

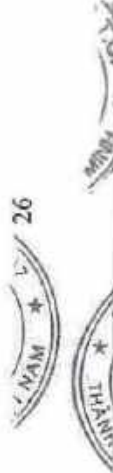
TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.9 Nợ xấu

Đối tượng	30/6/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng ngắn hạn								
Công ty TNHH Asia Garment	Trên 03 năm	713.371.775	(713.371.775)	-	Trên 03 năm	713.371.775	(713.371.775)	-
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	1.024.161.169	(1.024.161.169)	-	Trên 03 năm	1.024.161.169	(1.024.161.169)	-
Phải thu khác ngắn hạn								
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	148.718.573	(148.718.573)	-	Từ 02 đến 03 năm	438.402.224	(295.574.649)	142.827.575
Tổng		1.886.251.517	(1.886.251.517)	-		2.175.935.168	(2.033.107.593)	142.827.575



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	290.091.627.298	376.978.039.022	109.134.622.727	4.632.778.103	780.837.067.150	
Tăng trong kỳ	-	8.652.883.850	1.330.305.455	-	9.983.189.305	
Mua trong kỳ	-	8.652.883.850	1.330.305.455	-	9.983.189.305	
Giảm trong kỳ	(805.355.000)	(8.095.793.611)	(586.600.000)	(83.000.000)	(9.570.748.611)	
Thanh lý nhượng bán	(805.355.000)	(8.095.793.611)	(586.600.000)	(83.000.000)	(9.570.748.611)	
Số dư tại ngày 30/6/2025	289.286.272.298	377.535.129.261	109.878.328.182	4.549.778.103	781.249.507.844	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	198.181.938.133	318.493.520.365	85.503.801.233	4.346.551.054	606.525.810.785	
Tăng trong kỳ	3.757.763.926	10.218.384.113	1.909.043.286	74.042.261	15.959.233.586	
Khấu hao trong kỳ	3.757.763.926	10.218.384.113	1.909.043.286	74.042.261	15.959.233.586	
Giảm trong kỳ	(805.355.000)	(7.731.289.133)	(586.600.000)	(83.000.000)	(9.206.244.133)	
Thanh lý nhượng bán	(805.355.000)	(7.731.289.133)	(586.600.000)	(83.000.000)	(9.206.244.133)	
Số dư tại ngày 30/6/2025	201.134.347.059	320.980.615.345	86.826.244.519	4.337.593.315	613.278.800.238	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	91.909.689.165	58.484.518.657	23.630.821.494	286.227.049	174.311.256.365	
Tại ngày 30/6/2025	88.151.925.239	56.554.513.916	23.052.083.663	212.184.788	167.970.707.606	

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025; 456.126.375.956 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 426.717.385.258 VND).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 là 4.989.855.083 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 9.498.873.005 VND).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhân hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2025	10.449.268.907	5.838.965.451	26.478.584.505	42.766.818.863
Tăng trong kỳ	-	-	2.777.000.000	2.777.000.000
Mua trong kỳ	-	-	2.777.000.000	2.777.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	10.449.268.907	5.838.965.451	29.255.584.505	45.543.818.863
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2025	6.363.979.129	5.838.965.451	24.629.665.717	36.832.610.297
Tăng trong kỳ	175.685.992	-	387.581.269	563.267.261
Khấu hao trong kỳ	175.685.992	-	387.581.269	563.267.261
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	6.539.665.121	5.838.965.451	25.017.246.986	37.395.877.558
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	4.085.289.778	-	1.848.918.788	5.934.208.566
Tại ngày 30/6/2025	3.909.603.786	-	4.238.337.519	8.147.941.305

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 27.176.675.333 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 23.098.542.933 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần May Tam Quan	20.527.778.255	20.527.778.255	17.843.292.304	17.843.292.304
Motives (Far East) Ltd.	6.029.184.714	6.029.184.714	2.793.835.214	2.793.835.214
Chia Her Ind. Co., Ltd.	12.970.433.963	12.970.433.963	-	-
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	6.549.396.996	6.549.396.996	3.936.453.524	3.936.453.524
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	8.641.172.789	8.641.172.789	8.564.698.109	8.564.698.109
Các đối tượng khác	158.337.649.774	158.337.649.774	142.906.534.892	142.906.534.892
Tổng	213.055.616.491	213.055.616.491	176.044.814.043	176.044.814.043
<i>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>60.711.127.894</i>	<i>60.711.127.894</i>	<i>53.430.094.811</i>	<i>53.430.094.811</i>

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lọc Phát Việt Nam	2.775.789.270	2.665.315.854
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Hội sở	-	23.742.097.920
Grosso Moda Netherland B.V	1.436.966.843	1.436.966.843
Tong Fan International Trading Corp.	5.173.200.000	-
The Haberdash Group Dba Twillory.	5.266.330.751	-
Carreman International.	4.097.820.000	-
Các đối tượng khác	11.994.772.857	5.172.515.835
Tổng	30.744.879.721	33.016.896.452

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
Phải nộp	5.690.992.100	18.879.192.905	14.573.728.525	9.996.456.480
Thuế giá trị gia tăng	1.964.558.937	10.517.865.655	4.401.253.891	8.081.170.701
Thuế xuất nhập khẩu	35.811.221	510.622.075	489.553.223	56.880.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.657.945.845	3.305.368.432	4.963.314.277	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.504.879.677	1.741.457.670	2.399.793.528	846.543.819
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.278.219.363	466.074.000	812.145.363
Thuế môn bài	-	22.300.000	22.300.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	527.796.420	1.503.359.710	1.831.439.606	199.716.524
Phải thu	1.879.475.261	-	4.749.044.208	6.628.519.469
Thuế xuất, nhập khẩu	1.720.079.605	-	41.968.382	1.762.047.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	4.492.613.424	4.492.613.424
Thuế thu nhập cá nhân	159.395.656	-	214.462.402	373.858.058

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	6.647.354.267	11.420.606.007
Trích trước chi phí mua nguyên liệu, vật liệu	11.408.455.668	10.461.278.348
Trích trước chi phí gia công	16.719.634.837	23.056.732.744
Chi phí điện, nước, vận chuyển	5.001.364.732	4.013.154.930
Chi phí phải trả khác	1.128.452.220	795.182.727
Tổng	40.905.261.724	49.746.954.756

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.739.804.616	1.462.684.176
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.739.804.616	1.462.684.176
- Các đối tượng khác	17.739.804.616	1.462.684.176
b) Dài hạn	25.642.146.226	25.569.273.282
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	25.642.146.226	25.569.273.282
- Công ty Cổ phần May Tam Quan	3.194.167.556	3.121.290.664
- Công ty Cổ phần Dầu tư An Phát	5.358.588.486	5.358.592.447
- Công ty TNHH Delta Galil VN	13.241.846.588	13.127.279.527
- Công ty Cổ phần Công nghệ Wash HNC	3.847.543.596	3.962.110.644
Tổng	43.381.950.842	27.031.957.458

Trong đó, doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.3)

3.242.801.762 3.121.290.664

5.17 Phải trả khác

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	16.804.262.238	10.192.537.560
Kinh phí công đoàn	3.197.248.131	2.009.972.967
Bảo hiểm xã hội	3.720.158.927	12.321.064
Phải trả khác	9.886.855.180	8.170.243.529
- Công ty Cổ phần May Gia Lai	1.236.426.303	3.749.031.871
- Sport Field Limited	4.196.520.000	-
- Các đối tượng khác	4.453.908.877	4.421.211.658
b) Dài hạn	3.000.000.000	9.994.277.700
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.000.000.000	9.994.277.700
Tổng	19.804.262.238	20.186.815.260

Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.3)

1.236.426.303 3.749.031.871

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2025 (VND)			Trong kỳ (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Số có khả năng		Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng		Giá trị
	Giá trị	trả nợ		Giá trị	trả nợ		Giá trị	trả nợ	
a) Vay ngắn hạn									
<i>Vay ngắn hạn</i>									
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	1.105.365.154.818	1.105.365.154.818	1.119.349.189.753	1.270.195.504.830	1.256.211.469.895	1.256.211.469.895	1.101.665.154.818	1.101.665.154.818	1.248.779.469.895
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (2)	317.594.576.225	317.594.576.225	324.451.377.501	396.811.858.695	389.955.057.419	389.955.057.419			
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	482.875.192.402	482.875.192.402	482.875.192.403	469.766.383.505	469.766.383.504	469.766.383.504			
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	161.612.070.315	161.612.070.315	170.850.743.255	160.516.410.799	151.277.737.859	151.277.737.859			
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 (4)	131.241.837.204	131.241.837.204	131.241.837.208	207.882.920.144	207.882.920.140	207.882.920.140			
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (5)	8.341.478.672	8.341.478.672	9.930.039.386	16.776.275.921	15.187.715.207	15.187.715.207			
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	3.700.000.000	3.700.000.000	-	3.732.000.000	7.432.000.000	7.432.000.000			
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (6)	3.060.000.000	3.060.000.000	-	3.060.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000			
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi (7)	640.000.000	640.000.000	-	672.000.000	1.312.000.000	1.312.000.000			
b) Vay dài hạn									
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (6)	23.970.000.000	23.970.000.000	-	-	23.970.000.000	23.970.000.000			
Tổng	1.129.335.154.818	1.129.335.154.818	1.119.349.189.753	1.270.195.504.830	1.280.181.469.895	1.280.181.469.895			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng: Hợp đồng sửa đổi, bổ sung 64/98099/24-DN1/N-CTD-SĐ1 ngày 18/3/2025;
Hạn mức vay: 340.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 15/8/2025;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Bên Vay;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo: + Đối với khoản vay ngắn hạn: Vay không có tài sản đảm bảo
+ Đối với khoản vay trung và dài hạn: Thế chấp tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, tỷ lệ bảo đảm 100% số dư cấp bảo lãnh trung dài hạn tại mọi thời điểm;
Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2025: 317.594.576.225 VND

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 04/4/2025;
Hạn mức vay: 700.000.000.000 VND, đã bao gồm cả dư nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/HĐCVHM/NHCT908-NBC ngày 08/7/2024;
Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 04/4/2026.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C, phát hành bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo: Tài sản thuộc dự án đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 tài trợ;
Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2025: 482.875.192.402 VND.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.3403.070525 ngày 02/6/2025;
Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND hoặc USD tương đương;
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng bắt đầu từ ngày 02/6/2025;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu;
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2025: 161.612.070.315 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2:

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số 212649.24.103.773157.TD và phụ lục hợp đồng số 212649.24.103.773157.TD.PL01 ngày 22/05/2025;
Hạn mức vay: Hạn mức cho vay là 300.000.000.000 VND gồm hạn mức bảo lãnh thanh toán là 200.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 20.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức: Phụ lục gia hạn đến ngày 15/8/2025;
Lãi suất vay: Lãi suất, trong hạn: theo từng hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm;
Mục đích vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may của Khách hàng;
Biện pháp đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2025: 131.241.837.204 VND.

(5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 1031132.25 ngày 08/4/2025;
Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân và sẽ được thông báo cụ thể trên từng đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2025: 8.341.478.672 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(6) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM;

Hạn mức vay: 46.400.000.000 VND, nhưng không vượt quá 70% Tổng chi phí đầu tư của phương án đầu tư tại mọi thời điểm;

Thời hạn duy trì hạn mức: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên;

Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất; Lãi suất đối với dư nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;

Mục đích vay: Đầu tư dự án: Cải tạo và mở rộng Xí nghiệp may KonTum;

Biện pháp đảm bảo: Được đảm bảo bởi các tài sản phát sinh theo Hợp đồng này gồm:
Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2023/MMTB/HĐBB/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023;
Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01/2023/QTS_HĐTD/HĐBB/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023;

Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2025: 27.030.000.000 VND.
Trong đó, nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả là 3.060.000.000 VND.

(7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 40318/20/HĐTD ngày 24/11/2022;

Hạn mức vay: Hạn mức cho vay không vượt quá 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trong đó:
+ Hạn mức tài trợ xuất khẩu trước giao hàng 100.000.000.000 VND;
+ Hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động 50.000.000.000 VND;

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký kết ước với kế ước nhận nợ ngắn hạn;
36 tháng kể từ ngày ký kết ước với kế ước nhận nợ dài hạn;

Lãi suất vay: Theo từng kế ước nhận nợ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;

Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;

Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2025: Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2025: 640.000.000 VND.
Trong đó, nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả là 640.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 01/01/2024
Tăng vốn trong năm trước
Lãi trong năm trước
Chia cổ tức
Trích Quỹ đầu tư phát triển
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi
Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát
Số dư tại ngày 31/12/2024
Số dư tại ngày 01/01/2025
Lãi trong kỳ này
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)
Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (i)
Số dư tại ngày 30/6/2025

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	191.100.000.000	43.093.933.885	156.361.587.045	390.555.520.930
	8.900.000.000	-	-	8.900.000.000
	-	-	52.007.234.190	52.007.234.190
	-	-	(38.220.000.000)	(38.220.000.000)
	-	2.548.295.590	(2.548.295.590)	-
	-	-	(7.644.886.769)	(7.644.886.769)
	-	-	(1.528.977.354)	(1.528.977.354)
	200.000.000.000	45.642.229.475	158.426.661.522	404.068.890.997
	200.000.000.000	45.642.229.475	158.426.661.522	404.068.890.997
	-	-	31.253.457.961	31.253.457.961
	-	2.600.361.710	(2.600.361.710)	-
	-	-	(7.801.085.129)	(7.801.085.129)
	-	-	(1.560.217.026)	(1.560.217.026)
	200.000.000.000	48.242.591.185	177.718.455.618	425.961.046.803

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp tục)

Trong kỳ, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/6/2025 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế	2.600.361.710
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 15% lợi nhuận sau thuế	7.801.085.129
• Trích thưởng HĐQT và BKS: 3% lợi nhuận sau thuế	1.560.217.026

Tổng Công ty chưa ghi nhận cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2025 do chưa có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	25,200%	5.040.000	50.400.000.000	25,200%	5.040.000	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	24,394%	4.878.706	48.787.060.000	24,394%	4.878.706	48.787.060.000
Ông La Văn Tốt	(i)	(i)	(i)	8,474%	1.694.720	16.947.200.000
Bà Trần Linh Trang	7,100%	1.420.000	14.200.000.000	7,100%	1.420.000	14.200.000.000
Cổ đông khác	43,306%	8.661.294	86.612.940.000	34,833%	6.966.574	69.665.740.000
Tổng	100%	20.000.000	200.000.000.000	100%	20.000.000	200.000.000.000

(i) Tại ngày 30/6/2025, Ông La Văn Tốt không còn là cổ đông lớn nên không trình bày.

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	200.000.000.000	191.100.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	8.900.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	48.242.591.185	45.642.229.475
Tổng	48.242.591.185	45.642.229.475

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

a) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Debenhams Retail	6.623.559.760	6.623.559.760
Các đối tượng khác	8.700.488.682	8.700.488.682
Tổng	15.324.048.442	15.324.048.442

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
Giá trị theo loại ngoại tệ		
USD	3.086.217,38	947.144,95
EUR	133.498,04	170.635,27
Giá trị tương đương VND		
USD	80.145.914.873	23.917.050.272
EUR	3.486.444.672	4.455.860.234

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.232.526.785.736	1.193.256.296.917
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.061.508.490	14.479.807.311
Tổng	1.251.588.294.226	1.207.736.104.228
<i>Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của các bên liên quan</i>	<i>64.504.557.480</i>	<i>123.210.506.876</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)</i>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giảm giá hàng bán	2.537.051.153	1.256.587.075
Hàng bán bị trả lại	1.093.745.404	1.223.433.292
Tổng	3.630.796.557	2.480.020.367

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.228.895.989.179	1.190.776.276.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.061.508.490	14.479.807.311
Tổng	1.247.957.497.669	1.205.256.083.861

6.4 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	996.820.658.780	975.138.657.587
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (592.539.432)		-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.892.681.290	2.831.987.190
Tổng	1.001.120.800.638	977.970.644.777

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.020.020.997	2.262.480.455
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.544.096.000	14.547.900.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.373.985.780	16.089.251.378
Tổng	35.938.102.777	32.899.631.833

*Trong đó, doanh thu tài chính với các bên liên
quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)*

17.853.870.000 13.999.350.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.6 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	25.930.064.647	21.219.383.007
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	475.148.421	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.053.199.786	11.600.681.483
Chiết khấu thanh toán	726.486.299	176.752.993
Tổng	34.184.899.153	32.996.817.483

6.7 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên	20.679.091.325	16.015.660.689
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.085.432.358	2.288.548.860
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	437.775.723	166.318.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.239.802.296	1.305.881.677
Thuế, phí, lệ phí	31.558.125	47.249.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.299.282.779	78.994.199.355
- Chi phí hoa hồng	17.072.693.023	22.353.887.747
- Chi phí xuất khẩu	28.697.984.906	41.473.198.046
- Chi phí thuê mặt bằng, thuê kho	6.672.100.419	6.714.823.887
- Chi phí quảng cáo	28.445.954.984	4.408.625.721
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.410.549.447	4.043.663.954
Chi phí bằng tiền khác	3.726.161.913	4.954.838.617
Tổng	112.499.104.519	103.772.697.157

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	68.040.790.111	59.367.519.712
Chi phí vật liệu quản lý	3.246.161.703	3.631.396.393
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.304.662.934	1.318.056.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.281.989.763	7.199.476.913
Thuế phí và lệ phí	1.884.438.581	414.590.897
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	(146.856.076)	275.257.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.050.685.044	17.140.612.692
Chi phí bằng tiền khác	8.160.518.231	6.480.831.069
Tổng	104.822.390.291	95.827.741.222

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.9 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<i>Thu nhập khác</i>	3.309.723.365	4.787.721.480
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	477.381.778	168.863.606
Thu nhập khác	2.832.341.587	4.618.857.874
Tổng	3.309.723.365	4.787.721.480
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thu nhập khác với bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	622.716.000	450.320.330
<i>Chi phí khác</i>	19.302.817	63.448.155
Các khoản phạt	19.093.058	55.178.585
Chi phí khác	209.759	8.269.570
Tổng	19.302.817	63.448.155
Lợi nhuận thuần khác	3.290.420.548	4.724.273.325

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	580.903.390.490	572.399.090.543
Chi phí nhân công	233.401.186.169	190.421.356.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.522.500.847	18.158.625.916
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	(739.395.508)	275.257.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	448.407.253.152	410.160.382.339
Chi phí khác bằng tiền	16.945.289.230	12.835.610.937
Tổng	1.295.440.224.380	1.204.250.323.263

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.558.826.393	32.312.088.380
Các khoản điều chỉnh tăng	1.512.111.769	1.127.040.433
- Chi phí không được trừ	1.241.954.375	820.797.512
- Chi phí khấu hao vượt định mức	251.064.336	251.064.336
- Các khoản phạt	19.093.058	55.178.585
Các khoản điều chỉnh giảm	(19.544.096.000)	(14.547.900.000)
- Thu nhập từ nhận cổ tức	(19.544.096.000)	(14.547.900.000)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	16.526.842.162	18.891.228.813
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.305.368.432	3.778.245.763

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê kho, nhà xưởng, thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

7.2 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

a. Phát hành trái phiếu chuyển đổi

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 33/2025/HĐQT ngày 14/7/2025 thông qua việc triển khai phương án trái phiếu chuyển đổi ra công chúng; chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng như sau:

Tổ chức phát hành: Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần;

Mã trái phiếu: MNB425001;

Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền; 100% khối lượng trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau 24 tháng kể từ ngày phát hành; Tỷ lệ chuyển đổi: 1:5 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 05 cổ phần phổ thông)

Tổng giá trị phát hành: 180.000.000.000 VND (Một trăm tám mươi tỷ đồng), tương ứng với 1.800.000 Trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/ Trái phiếu;

Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách nhận quyền mua Trái phiếu theo quy định;

Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn: Thanh toán nợ vay cho các Ngân hàng TMCP;

Kỳ hạn trái phiếu: 02 năm kể từ ngày phát hành;

Lãi suất: 5%/ năm;

Cũng tại ngày 14/7/2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 34/2025/HĐQT về việc thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 35/2025/HĐQT về việc thông qua hồ sơ phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Tổng Công ty đang thực hiện các bước để phát hành trái phiếu chuyển đổi theo phương án đã phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo)

b. Chia cổ tức năm 2024

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 39/2025/HĐQT ngày 25/7/2025 về việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 20%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 2.000 VND). Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 18/8/2025, ngày thanh toán là ngày 29/8/2025.

7.3 Thông tin về bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con
2	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con
3	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con
4	Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con
5	Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con
6	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con
7	Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con
8	Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con gián tiếp
9	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết
13	Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết
17	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết
18	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

a. Thu nhập và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	306.000.000	306.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	108.000.000	108.000.000
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Tiền lương, thưởng	5.129.840.729	4.362.460.030
Tổng		5.543.840.729	4.776.460.030

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch mua hàng và dịch vụ chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ gia công Thuế máy	-	54.982.625.772
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Dịch vụ gia công	-	1.522.950.000
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	15.778.904.952	11.167.385.641
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Hàng hóa, dịch vụ khác	73.307.778	9.148.424.973
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Dịch vụ gia công	74.350.959.124	91.918.749
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Hàng hóa, dịch vụ khác	805.555.554	35.112.759.664
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con Công ty con gián tiếp	Dịch vụ gia công	48.270.264.130	805.555.554
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Hàng hóa, dịch vụ khác	-	58.944.661.963
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	277.657.609	139.972.500
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	36.746.897.032	714.237.824
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Dịch vụ vận chuyển	22.168.743.866	37.841.967.387
Công ty Cổ phần May Sóng Tiên	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	14.494.221.386	16.073.512.637
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	29.458.574.378	6.232.387.844
		Dịch vụ gia công	18.042.122.700	26.878.709.354
		Dịch vụ gia công	5.973.521.062	19.936.035.406
		Thiết bị, công cụ dụng cụ	14.798.656.350	14.014.436.256
Tổng			281.239.385.921	297.194.695.474

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Tiền thuê nhà Điện, ăn, nước, thuê máy	158.574.108 9.512.474	158.574.108 7.281.730
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Quần áo, nguyên phụ liệu Hàng hóa, dịch vụ khác	244.359.259 1.407.344.095	268.647.540 26.337.799
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quần áo, nguyên phụ liệu Điện, ăn, nước, thuê máy Hàng hóa, dịch vụ khác	19.311.814.465 493.445.170 218.906.183	12.598.595.369 507.821.132 -
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy Tiền thuê nhà Dịch vụ gia công Hàng hóa, dịch vụ khác	16.660.000 - 5.410.994.956 255.800.580	25.340.000 24.765.000 68.716.597.958 -
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Tiền thuê nhà Dịch vụ khác	72.865.000 125.919.740	-
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	900.000.000	900.000.000
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con gián tiếp	Quần áo, nguyên phụ liệu Điện, ăn, nước, thuê máy Hàng hóa, dịch vụ khác	- 133.001.085 15.255.141	1.906.324.401 134.022.745 14.196.366

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy Quần áo, nguyên phụ liệu Tiền thuê nhà Chi phí xuất nhập khẩu Hàng hóa, dịch vụ khác Quần áo, nguyên phụ liệu Hàng hóa, dịch vụ khác	146.532.464 1.363.889 270.210.496 1.695.773.577 772.639.411 32.129.600 298.431.664	531.711.411 27.911.111 263.980.961 965.591.227 474.918.040 7.150.000 -
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	64.291.368
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Dịch vụ khác	111.880.000	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu Điện, ăn, nước, thuê máy	31.536.191.636 1.609.107	34.246.220.610 487.676.599
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Tiền thuê nhà Hàng hóa, dịch vụ khác Quần áo, nguyên phụ liệu Điện, ăn, nước, thuê máy Hàng hóa, dịch vụ khác	348.672.871 - - - 6.400.000	77.349.200 3.500.000 9.052.250 164.150.694
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy Tiền thuê nhà Hàng hóa, dịch vụ khác	59.504.341 441.821.724 6.944.444	45.331.521 356.780.724 196.387.012
Tổng			64.504.557.480	123.210.506.876

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

d. Giao dịch khác chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Cổ tức được chia			17.853.870.000	13.999.350.000
Công ty Cổ phần Máy Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Cổ tức	6.375.000.000	6.375.000.000
Công ty Cổ phần Máy Tam Quan	Công ty con	Cổ tức	3.570.000.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Máy Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	2.550.000.000	1.224.000.000
Công ty Cổ phần Máy Bình Định	Công ty con	Cổ tức	1.796.310.000	-
Công ty Cổ phần Máy Đà Lạt	Công ty con	Cổ tức	581.760.000	-
Công ty Cổ phần Máy An Nhơn	Công ty liên kết	Cổ tức	2.295.000.000	1.836.000.000
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Cổ tức	685.800.000	514.350.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Cổ tức	-	480.000.000
Thu nhập khác			622.716.000	450.320.330
Công ty Cổ phần Máy Đà Lạt	Công ty con	Bán tài sản	622.716.000	-
Công ty Cổ phần Máy Tam Quan	Công ty con	Bán tài sản	-	450.320.330

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư chủ yếu với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		154.091.115.420	151.459.873.065
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	32.828.741	261.671.632
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	1.501.780.997	6.663.230.349
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	4.214.249.892	7.325.767.909
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	38.758.091.458	43.916.617.653
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	8.751.000.000	8.751.000.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	30.915.000	-
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con gián tiếp	32.750.303.316	32.750.303.316
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	651.018.667	1.149.113.344
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	66.540.194.181	49.904.226.874
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	639.727.000	639.727.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	221.006.168	84.178.988
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	-	14.036.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư chủ yếu với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>		84.609.293.592	63.629.616.592
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	581.760.000	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	16.689.979.597	15.286.209.168
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	15.586.944.629	15.266.040.521
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	17.265.998.976	15.998.976
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	24.989.510.833	24.989.510.833
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	7.423.237.451	6.999.994.988
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	71.862.106	71.862.106
<u>Phải thu khác dài hạn</u>		19.530.555.553	24.700.000.000
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	6.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	830.555.553	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	12.700.000.000	12.700.000.000
<u>Trả trước người bán ngắn hạn</u>		57.423.553.085	81.532.219.787
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	40.702.090.132	59.049.087.473
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	15.349.363.515	15.649.233.733
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	438.002.898	5.899.802.041
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	934.096.540	934.096.540

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư chủ yếu với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		60.711.127.894	53.430.094.811
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	5.432.642.026	6.189.464.331
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	6.549.396.996	3.936.453.524
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	8.641.172.789	8.564.698.109
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	20.527.778.255	17.843.292.304
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con gián tiếp	7.853.688.092	9.342.674.309
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	2.367.115.264	1.888.426.943
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	5.557.053.750	3.924.894.331
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết	5.500.000	5.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	3.776.780.722	1.734.690.960
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>		1.236.426.303	3.749.031.871
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	1.236.426.303	3.749.031.871
<u>Doanh thu chưa thực hiện</u>		3.242.801.762	3.121.290.664
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	3.242.801.762	3.121.290.664

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyên

Nguyễn Ngọc Lân

BẢN SAO

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....**20159**.....Quyển số.....**01**.....SCT/BS
Ngày.....**23-09-2025**.....
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Xuân Chung

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 59



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398889 thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 là 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên
Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên
Ông La Văn Tốt	Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 21/5/2025)
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 24/6/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Lẹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh 7.3 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính giữa niên độ và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Số: 233/2025/BCSXHN/CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 26/8/2024, từ trang 05 đến trang 59, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		2.218.203.987.357	2.311.878.047.117
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	313.805.604.835	337.374.653.162
1. Tiền	111		260.531.321.454	227.724.566.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.274.283.381	109.650.086.450
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		106.284.956.241	105.290.613.569
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	106.284.956.241	105.290.613.569
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		947.091.905.571	1.049.196.192.341
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	798.920.068.765	925.205.629.217
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	47.776.033.169	30.655.200.461
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	10.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	105.915.085.469	89.001.500.571
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(5.519.281.832)	(5.666.137.908)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	760.204.293.303	690.838.681.789
1. Hàng tồn kho	141		762.469.010.049	693.695.937.967
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.264.716.746)	(2.857.256.178)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		90.817.227.407	129.177.906.256
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	15.589.628.588	14.263.429.411
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68.079.260.773	111.099.661.541
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	7.148.338.046	3.814.815.304
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		783.984.292.304	784.509.971.809
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.461.709.916	14.461.709.916
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	14.461.709.916	14.461.709.916
II. Tài sản cố định	220		591.867.733.025	601.795.761.149
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	575.476.502.792	587.572.125.324
- Nguyên giá	222		1.852.452.476.210	1.830.021.157.664
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.276.975.973.418)	(1.242.449.032.340)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	16.391.230.233	14.223.635.825
- Nguyên giá	228		58.052.224.125	55.101.224.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.660.993.892)	(40.877.588.300)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.586.006.423	5.374.164.166
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	11.586.006.423	5.374.164.166
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	83.233.703.163	81.996.138.802
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		50.760.137.722	48.874.738.147
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.256.863.385	33.256.863.385
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(783.297.944)	(135.462.730)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		82.835.139.777	80.882.197.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	82.627.737.637	80.715.400.583
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.19	207.402.140	166.797.193
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.002.188.279.661	3.096.388.018.926

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

		30/06/2025		01/01/2025
NGUỒN VỐN		MS	TM	VND
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.449.240.203.237
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.268.879.186.469
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	298.599.426.414
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	46.750.073.975
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	31.081.185.360
4.	Phải trả người lao động	314		154.818.343.608
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	47.666.607.169
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	17.691.170.410
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	71.963.540.290
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.550.193.593.494
9.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		50.115.245.749
II.	Nợ dài hạn	330		180.361.016.768
1.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.13	16.175.319.157
2.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	22.447.978.670
3.	Phải trả dài hạn khác	337	5.17	13.743.985.190
4.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	114.705.902.031
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.19	13.287.831.720
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		552.948.076.424
I.	Vốn chủ sở hữu	410	5.20	552.948.076.424
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		79.152.169.020
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		177.181.362.668
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		128.453.764.258
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		48.727.598.410
4.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		96.614.544.736
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		440		3.002.188.279.661
				3.096.388.018.926

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập



Đặng Minh Tuyền

Kế toán trưởng



Đặng Minh Tuyền

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.331.865.927.356	1.948.041.468.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3.630.796.557	2.480.020.367
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	2.328.235.130.799	1.945.561.447.923
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	1.908.998.839.145	1.604.001.025.689
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		419.236.291.654	341.560.422.234
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	32.540.782.840	31.598.172.087
7. Chi phí tài chính	22	6.6	56.352.288.792	53.400.870.477
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.980.848.113	35.133.549.677
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	24	6.7	2.544.708.353	(2.284.192.388)
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	129.680.406.765	115.483.433.918
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.9	184.293.957.456	165.612.603.998
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		83.995.129.834	36.377.493.540
12. Thu nhập khác	31	6.10	15.311.553.395	12.009.824.343
13. Chi phí khác	32	6.10	3.824.086.910	3.392.153.411
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.10	11.487.466.485	8.617.670.932
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		95.482.596.319	44.995.164.472
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.12	17.263.724.482	11.167.792.818
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.13	(75.142.306)	43.627.599
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		78.294.014.143	33.783.744.055
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		48.727.598.410	22.055.508.749
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		29.566.415.733	11.728.235.306
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.14	2.436	748

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập



Đặng Minh Tuyền

Kế toán trưởng



Đặng Minh Tuyền

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		95.482.596.319	44.995.164.472
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		49.038.707.692	49.005.708.673
- Các khoản dự phòng	03		(91.560.294)	275.257.051
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.669.883.414)	(6.037.699.444)
- Chi phí lãi vay	06		39.980.848.113	35.133.549.677
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		176.740.708.416	123.371.980.429
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		133.098.441.925	(211.942.154.941)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(68.773.072.082)	(76.968.346.601)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(21.052.377.212)	21.251.611.080
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.238.536.231)	(4.946.335.684)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(39.980.848.113)	(35.143.616.984)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.039.057.438)	(12.682.126.099)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.117.000.000)	(10.046.301.314)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		146.638.259.265	(207.105.290.114)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(45.184.612.990)	(53.215.135.857)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		860.866.122	451.376.713
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(43.612.497.987)	(39.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		52.618.155.315	54.772.328.260
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		685.800.000	1.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.793.926.044	4.612.904.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.838.363.496)	(31.378.526.644)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8.900.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.827.408.644.457	1.580.435.084.519
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.954.042.828.700)	(1.453.116.374.738)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.734.759.853)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(141.368.944.096)</i>	<i>136.218.709.781</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(23.569.048.327)	(102.265.106.977)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	337.374.653.162	281.033.831.691
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	313.805.604.835	178.768.724.714

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập



Đặng Minh Tuyền

Kế toán trưởng



Đặng Minh Tuyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 030039888 thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 là 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2025: 12.832 người (tại ngày 01/01/2025 là: 13.168 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;...

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc cho thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

275
T
H
O
Á
T
N

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc, như sau:

Công ty con

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
A. Các Công ty con						
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ phần May Gia Lai	Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 9, đường Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	55,00%	55,00%	55,00%
3	Công ty Cổ phần May Bình Định	Số 105, đường Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,84%	51,84%	51,84%
4	Công ty Cổ phần May An Nhơn (i)	Số 71, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	69,61%	58,19%	58,19%
5	Công ty Cổ phần May Tam Quan (ii)	Cụm công nghiệp Tam Quan, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	63,86%	57,67%	57,67%
6	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Số 204, đường Thống Nhất, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
7	Công ty Cổ phần Giặt Tẩy Nhà Bè	Ấp Bình Tạo xã Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Hoàn thiện sản phẩm dệt	51,00%	51,00%	51,00%
8	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường Vị Thanh, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	55,56%	55,56%	55,56%
9	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort (iii)	Thôn Mũi Đá, phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Kinh doanh địa điểm lưu trú	73,81%	60,68%	60,68%
Các Công ty con gián tiếp						
10	Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Tên trước đây: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) (iv)	Số 68 Nguyễn Khuyến, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%

(i) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần May An Nhơn lần lượt là 58,19% và 69,61%, trong đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 45,90%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua Công ty Cổ phần May Bình Định là 12,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần May Bình Định là 23,71%.

(ii) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần May Tam Quan lần lượt là 57,67% và 63,86%, trong đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 51,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua Công ty Cổ phần May Bình Định là 6,67%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần May Bình Định là 12,86%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**Công ty con (Tiếp theo)**

(iii) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort lần lượt là 60,68% và 73,81%, trong đó, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trực tiếp là 47,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè là 12,07%, qua Công ty Cổ phần May Gia Lai là 1,61%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè là 23,66% và thông qua Công ty Cổ phần May Gia Lai là 3,15%.

(iv) Trong tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè đã nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) từ Tổng Công ty và các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tại ngày 30/6/2025, Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh là Công ty con sở hữu gián tiếp của Tổng Công ty thông qua Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè.

Công ty liên kết

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
B.	Các Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần NBC Logistics	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận tải, logistics	28,58%	28,58%	28,58%
2	Công ty Cổ phần May 9	Số 215 Hàng Thao, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	26,78%	26,78%	26,78%
3	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Mua bán máy móc thiết bị	30,00%	30,00%	30,00%
4	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Số 90 Bis Tôn Thất Thuyết, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê	40,98%	40,98%	40,98%
5	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Ấp Bình Tạo, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	43,89%	43,89%	43,89%
6	Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát (i)	Số 12 Mai Hắc Đế, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	20,05%	10,39%	10,39%
7	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	47,50%	47,50%	47,50%
8	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quốc lộ 60, phường Sóc Trăng, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	36,00%	36,00%	36,00%
9	Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	Cụm Công nghiệp Phố Hòa, tổ dân phố An Thường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	28,00%	16,15%	16,15%

(i) Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát đã phá sản và đang thực hiện các thủ tục xử lý tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ
C. Các đơn vị trực thuộc		
1	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xi nghiệp May Bình Phát	Lô số 1, Khu Công nghiệp Dệt may Bình An, khu phố Ngãi Thẳng, phường Đồng Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xi nghiệp May Bảo Lộc	Số 54 đường Phạm Ngọc Thạch, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
3	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xi nghiệp May Kon Tum	Km3 - Quốc lộ 14, phường Đăk B'la, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
4	Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định	Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
5	Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc	Số 02, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội	Số 02, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
7	Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại Vương Quốc Anh	2nd Floor Prospect House, Columbus Quay, Riverside Drive, Liverpool, L13 4DB

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập từ Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của các ngân hàng Tổng Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2025.
- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng Tổng Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết***

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Khi đánh giá vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu, phần sở hữu của Tổng Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tổng Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Khi Công ty liên doanh, liên kết hoạt động có lãi, Tổng Công ty chỉ ghi nhận phần sở hữu của Tổng Công ty trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được bù trừ với Tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ

Chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong kỳ, có 0 đồng (kỳ trước: 765.809.411 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hoá vào tài sản dở dang của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí hoa hồng, chi phí khuyến mãi, chiết khấu và chi phí khác.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê mặt bằng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (hàng may mặc) và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

N
C
T
T
A
5h

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ chênh lệch tỷ giá khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu và chiết khấu thanh toán và chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng, trong kỳ, Tổng Công ty chỉ hoạt động Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	16.598.098.911	14.179.027.894
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	243.933.222.543	213.545.538.818
Các khoản tương đương tiền (i)	53.274.283.381	109.650.086.450
Tổng	313.805.604.835	337.374.653.162

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng và được hưởng lãi suất áp dụng theo từng thời điểm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền 5.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho khoản vay.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	106.284.956.241	106.284.956.241	105.290.613.569	105.290.613.569
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	104.284.956.241	104.284.956.241	103.290.613.569	103.290.613.569
Trái phiếu (ii)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	106.284.956.241	106.284.956.241	105.290.613.569	105.290.613.569

(i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 13 tháng tại các Ngân hàng Thương mại và được hưởng lãi suất áp dụng theo từng thời điểm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền 2.651.205.994 VND tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô đang được cầm cố, thế chấp để bảo lãnh thực hiện cho hợp đồng kinh tế của Tổng Công ty và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bình Thuận được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty với tổng số tiền là 50.423.835.616 VND.

(ii) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hưng Phát, thời gian đến hạn chi trả tiền gốc trái phiếu thêm 3 năm (từ tháng 10/2021 đến tháng 10/2024), lãi suất 8%/năm và trả lãi vào cuối năm. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đối với trái phiếu này.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b) Đầu tư tài chính dài hạn

b) Đầu tư tài chính dài hạn		Tỷ lệ			30/06/2025		01/01/2025		Đơn vị tính: VND
		Lợi ích	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	
STT Đối tượng được đầu tư									
I. Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết									
1	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%	15.360.000.000		22.599.399.442	(i)	15.360.000.000	(i)
2	Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng	36,00%	36,00%	15.120.000.000		-	(i)	15.120.000.000	(i)
3	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	47,50%	47,50%	9.500.000.000		-	(i)	9.500.000.000	(i)
4	Công ty Cổ phần May 9	26,78%	26,78%	5.227.920.657		2.041.546.733	(i)	5.227.920.657	(i)
5	Công ty Cổ phần NBC Logistics	28,58%	28,58%	3.429.000.000		10.613.064.356	(i)	3.429.000.000	(i)
6	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	40,98%	40,98%	5.000.000.000		8.866.481.865	(i)	5.000.000.000	(i)
7	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	1.500.000.000		2.799.003.804	(i)	1.500.000.000	(i)
8	Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát (ii)	10,39%	20,05%	6.000.000.000		-	(i)	6.000.000.000	(i)
9	Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	16,15%	28,00%	7.000.000.000		3.840.641.522	(i)	7.000.000.000	(i)
Tổng				68.136.920.657	50.760.137.722	68.136.920.657	48.874.738.147		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b) Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

ST.T	Đối tượng được đầu tư	Tỷ lệ		30/06/2025		01/01/2025			
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
II. Đầu tư vào đơn vị khác									
1	Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	6,45%	6,45%	7.161.920.000	(i)	(783.297.944)	7.161.920.000	(i)	(135.462.730)
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	5.802.843.385	(i)	-	5.802.843.385	(i)	-
3	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (iii)	2,61%	2,61%	5.337.100.000	8.337.960.000	-	5.337.100.000	9.023.647.500	-
4	Công ty Cổ phần Thương mại Bán lẻ Nhà Bè	15,00%	15,00%	5.250.000.000	(i)	-	5.250.000.000	(i)	-
5	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	5,00%	5,00%	4.225.000.000	(i)	-	4.225.000.000	(i)	-
6	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%	3.480.000.000	(i)	-	3.480.000.000	(i)	-
7	Công ty Cổ phần May Hoài Hương	6,78%	13,33%	2.000.000.000	(i)	-	2.000.000.000	(i)	-
Tổng				33.256.863.385	(783.297.944)		33.256.863.385		(135.462.730)

- (i) Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Tại ngày 05/02/2025, Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn ra Quyết định số 01/2025/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát.
- (iii) Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP căn cứ trên giá đóng cửa của cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30/6/2025 và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
JP Global Import INC	3.159.427.507	2.033.391.390
Arcadia Group Brands Ltd.	4.206.480.004	4.206.480.004
BMB Clothing Group	32.225.961.184	35.097.506.252
Haggar Clothing Co	15.806.480.387	75.927.992.714
Motives (Far East) Ltd.	22.995.663.512	61.864.466.325
Premier Exim (Hk) Ltd	39.526.164.831	-
Lollytogs, Ltd.	148.047.238.271	152.494.539.783
Worthy Global Limtied	28.310.588.141	71.768.540.895
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Nam - Vinatex	362.045.160	301.453.918
Punto FA,S,L	70.180.397.771	142.258.466.414
Phải thu khách hàng khác	434.099.621.997	379.252.791.522
Tổng	798.920.068.765	925.205.629.217
<i>Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>68.078.132.016</i>	<i>56.013.618.741</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	438.002.898	5.899.802.041
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	6.971.324.183	10.000.000.000
Đối tượng khác	40.366.706.088	14.755.398.420
Tổng	47.776.033.169	30.655.200.461
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>12.683.923.602</i>	<i>21.168.934.442</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.5 Phải thu khác

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	105.915.085.469	(308.718.573)	89.001.500.571	(455.574.648)
Tạm ứng	11.928.243.619	-	10.253.382.882	-
Ký cược, ký quỹ	134.499.310	-	146.157.595	-
Phải thu các Công ty liên kết	33.484.610.390	-	33.061.367.927	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	7.423.237.451	-	6.999.994.988	-
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	24.989.510.833	-	24.989.510.833	-
Các Công ty khác	1.071.862.106	-	1.071.862.106	-
Phải thu người lao động (i)	153.695.324	-	50.281.153	-
Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn Cầu (ii)	25.026.230.000	-	19.180.230.000	-
Phải thu tiền bảo hiểm	2.449.519.297	-	1.863.940.228	-
Phải thu khác	32.738.287.529	(308.718.573)	24.446.140.786	(455.574.648)
b) Dài hạn	14.461.709.916	-	14.461.709.916	-
Ký cược, ký quỹ	1.761.709.916	-	1.761.709.916	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	12.700.000.000	-	12.700.000.000	-
Tổng	120.376.795.385	(308.718.573)	103.463.210.487	(455.574.648)
Trong đó, phải thu khác từ các bên liên quan	46.184.610.390		45.761.367.927	
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)				

(i) Tiền ăn giữa ca tạm ứng trước cho người lao động.

(ii) Đây là số tiền ủy thác theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 01.24/NBC-GAA ngày 25/3/2024 giữa Tổng Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn cầu (Bên B) về việc Bên A ủy thác cho Bên B sử dụng số tiền ủy thác đầu tư mở pháp nhân là Công ty May mặc thời trang.

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang mua đang đi trên đường	172.692.323	-	6.778.800	-
Nguyên liệu, vật liệu	168.914.757.117	-	141.091.899.896	-
Công cụ, dụng cụ	6.377.121.864	-	5.703.147.768	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	262.929.061.242	-	214.865.132.696	-
Thành phẩm	277.919.964.078	(2.264.716.746)	275.415.529.043	(2.857.256.178)
Hàng hóa	14.428.759.609	-	17.922.192.455	-
Hàng gửi bán	31.726.653.816	-	38.691.257.309	-
Tổng	762.469.010.049	(2.264.716.746)	693.695.937.967	(2.857.256.178)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Nợ xấu

Đối tượng	30/06/2025				01/01/2025			Đơn vị tính: VND
	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn								
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hưng Phát	> 3 năm	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	> 3 năm	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn								
Công ty TNHH Asia Garment	> 3 năm	713.371.775	(713.371.775)	-	> 3 năm	713.371.775	(713.371.775)	-
Các đối tượng khác	> 3 năm	2.568.099.424	(2.497.191.484)	70.907.940	> 3 năm	2.568.099.424	(2.497.191.484)	70.907.940
Phải thu khác ngắn hạn								
Các đối tượng khác	> 3 năm	308.718.573	(308.718.573)	-	> 3 năm	598.402.224	(455.574.649)	142.827.575
Tổng		5.590.189.772	(5.519.281.832)	70.907.940		5.879.873.423	(5.666.137.908)	213.735.515



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.589.628.588	14.263.429.411
Chi phí công cụ dụng cụ	2.093.739.152	2.084.679.626
Chi phí khác	13.495.889.436	12.178.749.785
b) Dài hạn	82.627.737.637	80.715.400.583
Chi phí thuê đất (i)	33.741.822.421	33.682.652.238
Chi phí công cụ dụng cụ	22.687.903.217	23.875.896.411
Chi phí sửa chữa	17.280.689.861	12.658.154.481
Chi phí khác	8.917.322.138	10.498.697.453
Tổng	98.217.366.225	94.978.829.994

- (i) Chi phí thuê đất trả tiền 1 lần tại các địa điểm kinh doanh của Tổng Công ty và các Công ty con:
- Chi phí thuê đất tại lô số 1, Khu Công nghiệp Dệt may Bình An, khu phố Ngã Thẳng, phường Đồng Hoà, thành phố Hồ Chí Minh với thời gian thuê đến tháng 10/2061, tổng số tiền thuê còn phân bổ là 11,776 tỷ VND.
 - Chi phí thuê đất tại ấp Bình Tạo xã Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp với thời gian thuê đến tháng 09/2050, số tiền thuê còn phân bổ là 4,539 tỷ VND.
 - Chi phí thuê đất và nhà xưởng tại số 204, đường Thống Nhất, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng với thời gian thuê đến tháng 05/2055, số tiền thuê còn phân bổ là 7,366 tỷ VND.
 - Chi phí thuê đất tại số 68 Nguyễn Khuyến, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng với thời gian thuê đến tháng 08/2065, số tiền thuê còn phân bổ là 6,804 tỷ VND.
 - Chi phí thuê đất tại Thôn Mũi Đá, phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng với thời gian thuê đến tháng 03/2060, với số tiền thuê còn phân bổ là 2,850 tỷ VND.

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Mua sắm tài sản cố định	9.206.806.423	4.654.218.323
Mua sắm máy móc thiết bị	9.169.065.514	4.616.477.414
Chi phí xây dựng cơ bản khác	37.740.909	37.740.909
b) Chi sửa chữa	2.379.200.000	719.945.843
Nâng cấp, cải tạo Cụm Công nghiệp Cát Trinh	2.379.200.000	-
Chi phí sửa chữa khác	-	719.945.843
Tổng	11.586.006.423	5.374.164.166

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	803.182.183.728	873.688.246.338	135.707.085.433	12.617.658.866	4.825.983.299	1.830.021.157.664
Tăng trong kỳ	32.775.000	34.995.522.325	1.397.205.455	-	-	36.425.502.780
Mua trong kỳ	32.775.000	34.995.522.325	1.397.205.455	-	-	36.425.502.780
Giảm trong kỳ	(805.355.000)	(12.478.710.896)	(586.600.000)	(123.518.338)	-	(13.994.184.234)
Thanh lý nhượng bán	(805.355.000)	(12.478.710.896)	(586.600.000)	(123.518.338)	-	(13.994.184.234)
Số dư tại ngày 30/6/2025	802.409.603.728	896.205.057.767	136.517.690.888	12.494.140.528	4.825.983.299	1.852.452.476.210
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	445.200.974.196	681.655.605.392	101.227.472.613	9.924.329.069	4.440.651.070	1.242.449.032.340
Tăng trong kỳ	14.462.407.508	30.570.728.403	2.818.000.787	386.526.808	38.081.780	48.275.745.286
Khấu hao trong kỳ	14.462.407.508	30.570.728.403	2.818.000.787	386.526.808	38.081.780	48.275.745.286
Giảm trong kỳ	(805.355.000)	(12.233.330.870)	(586.600.000)	(123.518.338)	-	(13.748.804.208)
Thanh lý nhượng bán	(805.355.000)	(12.233.330.870)	(586.600.000)	(123.518.338)	-	(13.748.804.208)
Số dư tại ngày 30/6/2025	458.858.026.704	699.993.002.925	103.458.873.400	10.187.337.539	4.478.732.850	1.276.975.973.418
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	357.981.209.532	192.032.640.946	34.479.612.820	2.693.329.797	385.332.229	587.572.125.324
Tại ngày 30/6/2025	343.551.577.024	196.212.054.842	33.058.817.488	2.306.802.989	347.250.449	575.476.502.792

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 710.856.198.517 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 667.755.651.456 VND).

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 234.711.303.704 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 219.960.631.518 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND					
	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	19.618.011.619	6.176.445.951	29.226.766.555	80.000.000	55.101.224.125
Tăng trong kỳ	-	-	2.951.000.000	-	2.951.000.000
Mua trong kỳ	-	-	2.951.000.000	-	2.951.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	19.618.011.619	6.176.445.951	32.177.766.555	80.000.000	58.052.224.125
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	7.737.765.031	6.176.445.951	26.936.710.652	26.666.666	40.877.588.300
Tăng trong kỳ	85.632.678	-	644.439.580	53.333.334	783.405.592
Khấu hao trong kỳ	85.632.678	-	644.439.580	53.333.334	783.405.592
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	7.823.397.709	6.176.445.951	27.581.150.232	80.000.000	41.660.993.892
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	11.880.246.588	-	2.290.055.903	53.333.334	14.223.635.825
Tại ngày 30/6/2025	11.794.613.910	-	4.596.616.323	-	16.391.230.233

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 27.817.546.583 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 24.076.894.683 VND).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 6.142.524.985 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 6.219.540.847 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần May Phú Cát	4.186.013.749	4.186.013.749	1.386.414.516	1.386.414.516
Kufter Hong Kong Ltd.	828.819.162	828.819.162	579.554.170	579.554.170
Motives (Far East) Ltd.	6.029.184.714	6.029.184.714	2.793.835.214	2.793.835.214
Chia Her Ind. Co., Ltd.	12.970.433.963	12.970.433.963	-	-
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	1.373.288.774	1.373.288.774	6.408.824.435	6.408.824.435
Các đối tượng khác	273.211.686.052	273.211.686.052	237.653.679.355	237.653.679.355
Tổng	298.599.426.414	298.599.426.414	248.822.307.690	248.822.307.690
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>24.570.190.868</i>	<i>24.570.190.868</i>	<i>15.493.909.274</i>	<i>15.493.909.274</i>

5.13 Người mua trả tiền trước

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	46.750.073.975	80.080.134.265
Toray International, Inc	13.157.672.292	19.417.556.772
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Hội sở	-	23.742.097.920
Aurora Investment Global Limited	4.164.961.652	15.347.458.001
Các đối tượng khác	29.427.440.031	21.573.021.572
Dài hạn	16.175.319.157	21.087.041.335
Tamurakoma & Co.,ltd	16.175.319.157	20.936.523.796
Các đối tượng khác	-	150.517.539
Tổng	62.925.393.132	101.167.175.600

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
Phải nộp	24.500.613.750	48.246.209.599	41.665.637.989	31.081.185.360
Thuế GTGT	4.469.782.038	21.800.522.172	10.775.848.121	15.494.456.089
Thuế xuất, nhập khẩu	35.811.221	510.643.272	489.574.420	56.880.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.090.577.415	17.263.724.482	22.236.423.240	12.117.878.657
Thuế thu nhập cá nhân	2.375.456.256	4.165.908.626	5.342.812.177	1.198.552.705
Thuế tài nguyên	1.190.400	7.814.080	6.585.600	2.418.880
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.285.248.819	544.898.867	1.740.349.952
Thuế môn bài	-	36.300.000	36.300.000	-
Các loại thuế, các khoản phải nộp Nhà nước khác	527.796.420	2.212.348.148	2.269.495.564	470.649.004
Phải thu	3.814.815.304	1.853.596.973	5.187.119.715	7.148.338.046
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	3.680.000	-	-	3.680.000
Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	1.720.079.605	-	41.968.382	1.762.047.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.351.317.931	1.351.317.931	4.802.634.198	4.802.634.198
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	161.674.698	2.279.042	339.317.135	498.712.791
Thuế nhà đất và tiền thuê đất nộp thừa	554.143.070	500.000.000	-	54.143.070
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.920.000	-	3.200.000	27.120.000

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	7.933.814.267	13.174.456.437
Chi phí lãi vay phải trả	-	57.417.543
Chi phí điện, nước, vận chuyển	6.330.606.544	4.278.369.325
Trích trước chi phí mua nguyên liệu, vật liệu	11.408.455.668	10.461.278.348
Trích trước chi phí gia công	17.728.835.944	23.056.732.744
Chi phí phải trả khác	4.264.894.746	2.460.895.331
Tổng	47.666.607.169	53.489.149.728

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	17.691.170.410	1.365.415.764
Doanh thu gia công nhận trước	17.691.170.410	1.365.415.764
Các đối tượng khác	17.691.170.410	1.365.415.764
Dài hạn	22.447.978.670	22.447.982.618
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	22.447.978.670	22.447.982.618
Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	5.358.588.486	5.358.592.447
Công ty TNHH Delta Galil Việt Nam	13.241.846.588	13.127.279.527
Công ty Cổ phần Công nghệ Wash HNC	3.847.543.596	3.962.110.644
Tổng	40.139.149.080	23.813.398.382

5.17 Phải trả khác

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	71.963.540.290	45.040.886.929
Kinh phí công đoàn	21.412.816.011	20.618.880.990
BHXH, BHYT, BHTN	15.941.786.493	9.943.804.994
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.206.520.000	10.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.037.259.800	998.418.500
Tiền mua vốn của Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (i)	8.280.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.085.157.986	13.469.782.445
Dài hạn	13.743.985.190	20.813.262.890
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.704.000.000	11.698.277.700
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.039.985.190	9.114.985.190
Tổng	85.707.525.480	65.854.149.819
<i>Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>1.282.500.000</i>	<i>472.500.000</i>

(i) Khoản tiền phải trả liên quan đến nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị
						Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>	1.531.967.410.823	1.531.967.410.823	1.826.510.786.457	1.940.360.738.855	1.645.817.363.221	1.645.817.363.221
	596.294.006.421	596.294.006.421	810.420.793.458	862.467.806.259	648.341.019.222	648.341.019.222
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM (1)	317.594.576.225	317.594.576.225	324.451.377.501	396.811.858.695	389.955.057.419	389.955.057.419
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (2)	10.536.654.901	10.536.654.901	11.495.737.102	5.970.552.137	5.011.469.936	5.011.469.936
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận (3)	264.437.965.285	264.437.965.285	453.877.286.549	440.769.733.131	251.330.411.867	251.330.411.867
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Đồng Sài Gòn (4)	1.825.952.340	1.825.952.340	10.001.974.750	10.220.102.410	2.044.080.000	2.044.080.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (5)	1.898.857.670	1.898.857.670	10.594.417.556	8.695.559.886	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</i>	588.158.441.656	588.158.441.656	621.712.534.414	608.035.619.687	574.481.526.929	574.481.526.929
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (6)	558.181.750.264	558.181.750.264	578.838.454.991	565.157.174.397	544.500.469.670	544.500.469.670
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 2 TP. HCM (7)	29.976.691.392	29.976.691.392	42.874.079.423	42.878.445.290	29.981.057.259	29.981.057.259

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/06/2025 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị			Giảm	Giá trị	
c. Vay dài hạn						
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>	879.153.000	879.153.000	897.858.000	18.705.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (16)	879.153.000	879.153.000	897.858.000	18.705.000	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</i>	113.826.749.031	113.826.749.031	-	-	113.826.749.031	113.826.749.031
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 2 Tp. HCM (13)	72.754.912.909	72.754.912.909	-	-	72.754.912.909	72.754.912.909
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 Tp. HCM (14)	41.071.836.122	41.071.836.122	-	-	41.071.836.122	41.071.836.122
Tổng các khoản vay dài hạn	114.705.902.031	114.705.902.031	897.858.000	18.705.000	113.826.749.031	113.826.749.031

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:**

Số hợp đồng: Hợp đồng sửa đổi, bổ sung 64/98099/24-DN1/N-CTD-SĐ1 ngày 18/3/2025;

Hạn mức vay: 340.000.000 VND;

Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 15/8/2025;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Bên Vay;

Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;

Biện pháp đảm bảo: + Đối với khoản vay ngắn hạn: Vay không có tài sản đảm bảo;

+ Đối với khoản vay trung và dài hạn: Thế chấp tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, tỷ lệ bảo đảm 100% số dư cấp bảo lãnh trung dài hạn tại mọi thời điểm;

(2) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Định:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 66/2025/VCB-BĐ ngày 28/3/2025;

Hạn mức vay: 55.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương);

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

Lãi suất vay: Được quy định trong từng Giấy nhận nợ;

Mục đích vay: Thanh toán chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu;

Biện pháp đảm bảo: - Thế chấp tài sản là Máy móc thiết bị của Công ty theo các Hợp đồng thế chấp;

(3) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Thuận:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.3403.070525 ngày 02/6/2025;

Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND hoặc USD tương đương;

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng bắt đầu từ ngày 02/6/2025;

Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu;

Biện pháp đảm bảo: Thế chấp tài sản là hợp đồng tiền gửi, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn:**

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số HD1D/MAYANNHON/2024 ngày 07/10/2024;
Hạn mức vay: 40.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
Mục đích vay: Mục đích tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm như cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo: Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 71, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai;

(5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng:

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số 0172/TD/25LD ngày 23/5/2025;
Hạn mức vay: 4.900.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức: 13 tháng kể từ ngày 22/5/2025;
Mục đích vay: Mục đích tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo: Thế chấp tài sản của Công ty bao gồm: tiền gửi có kỳ hạn, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Công ty;

(6) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 04/4/2025;
Hạn mức vay: 700.000.000.000 VND, đã bao gồm cả dư nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/HĐCVHM/NHCT908-NBC ngày 08/7/2024;
Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 04/4/2026.
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C, phát hành bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay;
Biện pháp đảm bảo: Tài sản thuộc dự án đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 tài trợ;
Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT908-HAU GIANG ngày 10/9/2024;
Hạn mức vay: 70.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 10/9/2025;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và gia công hàng may mặc;
Biện pháp đảm bảo: Bao gồm việc thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Công ty, được quy định trong các hợp đồng thế chấp giữa Công ty và Ngân hàng; Văn bản bảo lãnh của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(7) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 2:**

Số hợp đồng: 27/2024-IHDCVHM/NHCT904-NBDL ngày 15/5/2024;

Hạn mức vay: Không vượt quá 30.000.000.000 VND;

Thời hạn cho vay: Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 15/5/2024 đến ngày 15/5/2025;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và gia công hàng may mặc;

Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng giấy nhận nợ;

Biện pháp đảm bảo: Thế chấp quyền sử dụng và công trình nhà máy dịch vụ may gia công xuất khẩu, máy móc thiết bị, quyền đòi nợ luân chuyển là các khoản phải thu và hàng hoá Công ty;

(8) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Hội sở:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.3403.070525 ngày 02/6/2025;

Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND hoặc USD tương đương;

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng bắt đầu từ ngày 02/6/2025;

Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu;

Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;

(9) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số BDLDN.4410.100624 ngày 10/7/2024;

Hạn mức vay: 10.000.000.000 VND hoặc USD tương đương;

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này;

Lãi suất vay: Được quy định trong từng Giấy nhận nợ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Biện pháp đảm bảo: Bất động sản số 105 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(10) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2:**

- Số hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số 212649.24.103.773157.TD và phụ lục hợp đồng số 212649.24.103.773157.TD.PL01 ngày 22/05/2025;
- Hạn mức vay: Hạn mức cho vay là 300.000.000.000 VND gồm hạn mức bảo lãnh thanh toán là 200.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức: Phụ lục gia hạn đến ngày 15/8/2025;
- Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn: theo từng hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm;
- Mục đích vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may của Khách hàng;
- Biện pháp đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

(11) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Số hợp đồng: 266193.24.301.1349118.TD ngày 12/12/2024;
- Hạn mức vay: 35.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 28/11/2025;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Lãi suất vay: Được xác định theo lãi suất ngân hàng theo từng đợt giải ngân;
- Biện pháp đảm bảo: Các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ và tài khoản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 180058.23.301.1349118.DB ngày 21/12/2023.

(12) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:

- Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 1031132.25 ngày 08/4/2025;
- Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
- Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân và sẽ được thông báo cụ thể trên từng đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(13) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 2:**

Số hợp đồng:	Hợp đồng vay số 11/2017-HĐTDDA/NHCT904-NBDUCLINH ngày 17/01/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 23/7/2024 về việc cơ cấu lại thời gian trả nợ;
Số tiền vay:	200.000.000.000 VND (hoặc ngoại tệ tương đương);
Thời hạn cho vay:	144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không quá ngày 25/10/2028 theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 23/7/2024;
Mục đích vay:	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp Dự án Nhà máy dịch vụ may gia công xuất khẩu tại Số 68 Nguyễn Khuyến, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng;
Lãi suất cho vay:	Lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng đối với cho vay bằng VND là 7,8%/năm, đối với cho vay bằng USD là 4,4%/năm, có giá trị cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó, lãi suất cho vay được xác định theo phương thức thả nổi và điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng, lãi suất được điều chỉnh 01 tháng 01 lần, vào ngày 25 hàng tháng;
Biện pháp đảm bảo:	Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, công trình xây dựng thuộc sở hữu của Công ty.

(14) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng:	Hợp đồng cho vay số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT908 - TCT NBC_KONTUM;
Hạn mức vay:	46.400.000.000 VND, nhưng không vượt quá 70% Tổng chi phí đầu tư của phương án đầu tư tại mọi thời điểm;
Thời hạn duy trì hạn mức:	96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên;
Lãi suất vay:	Lãi suất trong hạn: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất; Lãi suất đối với dư nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;
Mục đích vay:	Đầu tư dự án: Cải tạo và mở rộng Xí nghiệp may KonTum;
Biện pháp đảm bảo:	Được đảm bảo bởi các tài sản phát sinh theo Hợp đồng này gồm: Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2023/MMTB/HĐBB/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023; Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01/2023/QTS_HĐTD/HĐBB/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(14) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (Tiếp theo)**

Số hợp đồng:	Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDTDDA/NHCT908 NBHAUGIANG ngày 02/07/2015;
Hạn mức vay:	152.000.000.000 VND hoặc giá trị các loại tiền tệ tương đương;
Thời hạn duy trì hạn mức:	96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên;
Lãi suất vay:	Lãi suất trong hạn: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất; Lãi suất đối với dư nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;
Mục đích vay:	Thanh toán các chi phí hợp lý thực tế phát sinh để thực hiện "Dự án đầu tư Nhà máy May Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang - giai đoạn 1 (Chi phí xây dựng và máy móc thiết bị)"
Biện pháp đảm bảo:	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án xây dựng Nhà máy may Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang Giai đoạn I tạm tại Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường Vị Thanh, Tp. Cần Thơ bao gồm: Quyền sử dụng đất, toàn bộ công trình trên đất (nhà xưởng), máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc dự án theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2015/HDTTC-MAYNHABE-HAUGIANG ngày 02/07/2015
Số hợp đồng:	Hợp đồng tín dụng số 01/2020-HDCVDADT/NHCT908-NHA BE HAU GIANG ngày 07/08/2020;
Hạn mức vay:	6.044.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức:	84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên; Thời gian ân hạn là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
Lãi suất vay:	Lãi suất trong hạn: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất; Lãi suất đối với dư nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;
Mục đích vay:	Dùng để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ Dự án xây dựng nhà kho của Bên vay (Dự án);
Biện pháp đảm bảo:	Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ dự án xây dựng Nhà kho NBC - Tổng Công ty May Nhà Bè tại Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang, Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường Vị Thanh, Tp. Cần Thơ bao gồm: Quyền sử dụng đất; Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số: 01/2020/HDTTC/NHCT908-NHA BE HAU GIANG.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(15) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi:

Số hợp đồng:	Hợp đồng cho vay số 40318/20/HĐTD ngày 24/11/2022;
Hạn mức vay:	Hạn mức cho vay không vượt quá 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trong đó: + Hạn mức tài trợ xuất khẩu trước giao hàng 100.000.000.000 VND; + Hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động 50.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức:	12 tháng kể từ ngày ký kết ước với kế ước nhận nợ ngắn hạn; 36 tháng kể từ ngày ký kết ước với kế ước nhận nợ dài hạn;
Lãi suất vay:	Theo từng kế ước nhận nợ;
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;
Biện pháp đảm bảo:	Vay không có tài sản đảm bảo;

(16) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Lâm Đồng:

Số hợp đồng:	Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0172A/TD1/25CD ngày 23/5/2025;
Hạn mức vay:	1.080.000.000 VND
Thời hạn duy trì hạn mức:	48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
Lãi suất vay:	6,6%/ năm và điều chỉnh 06 tháng/ lần;
Mục đích vay:	Mua sắm máy móc, thiết bị;
Biện pháp đảm bảo:	Các tài sản phát sinh từ hợp đồng mua sắm tài sản;

5.19 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	207.402.140	166.797.193
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	207.402.140	166.797.193
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	13.287.831.720	13.322.369.079
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	13.287.831.720	13.322.369.079
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CTCP

Số 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐÓ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu		Đơn vị tính: VND			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	191.100.000.000	69.594.802.545	114.471.984.668	72.533.913.252	447.700.700.465
Lãi trong năm trước	-	-	90.996.229.365	43.228.810.862	134.225.040.227
Tăng vốn trong năm trước	8.900.000.000	-	-	-	8.900.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.446.656.442	(3.446.656.442)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(11.447.463.287)	(3.307.663.882)	(14.755.127.169)
Trích quỹ thường Ban điều hành	-	-	(2.641.854.349)	(1.069.234.760)	(3.711.089.109)
Chia cổ tức	-	-	(38.220.000.000)	(11.046.712.000)	(49.266.712.000)
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	(53.316.171)	-	(39.141.739)	(92.457.910)
Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty con	-	-	(7.312.048.381)	3.706.048.381	(3.606.000.000)
Cổ đông góp bổ sung phần vốn trong Công ty liên kết	-	-	61.400.597	-	61.400.597
Công ty liên kết trích quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	(246.928.253)	-	(246.928.253)
Biến động trong vốn chủ sở hữu Công ty liên kết	-	-	(136.376.070)	-	(136.376.070)
Điều chỉnh khác	-	1	19.922.268	-	19.922.269
Số dư ngày tại 31/12/2024	200.000.000.000	72.988.142.817	142.098.210.116	104.006.020.114	519.092.373.047
Số dư tại ngày 01/01/2025	200.000.000.000	72.988.142.817	142.098.210.116	104.006.020.114	519.092.373.047
Lãi trong kỳ này	-	-	48.727.598.410	29.566.415.733	78.294.014.143
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	6.175.814.837	(6.175.814.837)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(11.519.580.209)	(3.224.942.119)	(14.744.522.328)
Trích quỹ thường Ban điều hành (i)	-	-	(3.776.926.676)	(1.869.308.644)	(5.646.235.320)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(15.773.601.153)	(15.773.601.153)
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	(11.788.634)	-	(8.654.552)	(20.443.186)
Mua lại phần vốn của Công ty con từ cổ đông không kiểm soát (ii)	-	-	7.801.384.643	(16.081.384.643)	(8.280.000.000)
Biến động trong vốn chủ sở hữu Công ty liên kết	-	-	26.491.221	-	26.491.221
Số dư tại ngày 30/6/2025	200.000.000.000	79.152.169.020	177.181.362.668	96.614.544.736	552.948.076.424

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(i) Tổng Công ty và các Công ty con phân phối lợi nhuận theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty và các Công ty con.

Tổng Công ty chưa ghi nhận cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025 do chưa có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

(ii) Trong tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè đã nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) từ Tổng Công ty và các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tại ngày 30/6/2025, Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh là Công ty con sở hữu gián tiếp của Tổng Công ty thông qua Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	30/06/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	25,200%	5.040.000	50.400.000.000	25,200%	5.040.000	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	24,394%	4.878.706	48.787.060.000	24,394%	4.878.706	48.787.060.000
Ông La Văn Tốt	(i)	(i)	(i)	8,474%	1.694.720	16.947.200.000
Bà Trần Linh Trang	7,100%	1.420.000	14.200.000.000	7,100%	1.420.000	14.200.000.000
Cổ đông khác	43,306%	8.661.294	86.612.940.000	34,833%	6.966.574	69.665.740.000
Tổng	100%	20.000.000	200.000.000.000	100%	20.000.000	200.000.000.000

(i) Tại ngày 30/6/2025, Ông La Văn Tốt không còn là cổ đông lớn nên không trình bày.

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	191.100.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	8.900.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	79.152.169.020	72.988.142.817
Tổng	79.152.169.020	72.988.142.817

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**a) Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Debenhams Retail	6.623.559.760	6.623.559.760
Các đối tượng khác	8.772.988.682	8.772.988.682
Tổng	15.396.548.442	15.396.548.442

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
Giá trị theo loại ngoại tệ		
USD	6.644.672,14	4.461.357,89
EUR	133.498,04	170.635,27
Giá trị tương đương VND		
USD	171.440.064.117	112.675.944.986
EUR	3.486.444.672	4.455.860.234

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.189.780.325.458	1.854.997.389.034
Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.085.601.898	93.044.079.256
Tổng	2.331.865.927.356	1.948.041.468.290
<i>Trong đó, doanh thu bán hàng với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>35.287.663.960</i>	<i>37.882.301.360</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giảm giá hàng bán	2.537.051.153	1.256.587.075
Hàng bán bị trả lại	1.093.745.404	1.223.433.292
Tổng	3.630.796.557	2.480.020.367

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.186.149.528.901	1.852.517.368.667
Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.085.601.898	93.044.079.256
Tổng	2.328.235.130.799	1.945.561.447.923

6.4 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn hàng bán	1.806.882.857.494	1.534.580.163.537
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(592.539.432)	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	102.708.521.083	69.420.862.152
Tổng	1.908.998.839.145	1.604.001.025.689

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.900.449.167	4.637.772.731
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.094.502.877	948.550.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	23.407.024.463	26.011.849.356
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.138.806.333	-
Tổng	32.540.782.840	31.598.172.087

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.6 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	39.980.848.113	35.133.549.677
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.997.119.166	18.089.504.844
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	647.835.214	-
Chi phí tài chính khác	726.486.299	177.815.956
Tổng	56.352.288.792	53.400.870.477

6.7 Phần lãi/lỗ trong Công ty liên kết

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Công ty Cổ phần NBC Logistics	1.060.381.112	946.536.952
Công ty Cổ phần May 9	(528.150.916)	(729.083.321)
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	(22.728.801)	(12.706.974)
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	1.207.850.362	466.462.452
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	69.526.807	(3.018.486.934)
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	757.829.789	63.085.437
Tổng	2.544.708.353	(2.284.192.388)

6.8 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên	24.483.800.681	17.651.869.688
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.279.431.858	2.818.159.910
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	437.775.723	166.318.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.239.802.296	1.305.881.677
Thuế phí và lệ phí	35.521.359	47.249.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.162.379.606	86.325.036.008
Chi phí bằng tiền khác	8.041.695.242	7.168.918.676
Tổng	129.680.406.765	115.483.433.918

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.9 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	119.239.565.801	100.212.810.314
Chi phí vật liệu quản lý	3.441.311.651	7.827.716.581
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.506.955.928	3.302.513.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.285.843.648	11.265.778.436
Thuế phí và lệ phí	2.370.096.370	1.104.616.444
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	(146.856.076)	275.257.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.945.362.856	22.555.466.014
Chi phí bằng tiền khác	19.651.677.278	19.068.445.629
Tổng	184.293.957.456	165.612.603.998

6.10 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	674.931.370	451.376.713
Thanh lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	354.096.895	356.290.250
Thu nhập do xử lý công nợ	-	111.183.050
Thu nhập từ dịch vụ giao nhận, xuất nhập khẩu	1.319.761.000	1.244.060.000
Thu nhập từ cho thuê	3.802.832.544	3.126.056.834
Các khoản khác	9.159.931.586	6.720.857.496
Tổng	15.311.553.395	12.009.824.343
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	59.934.682	273.097.940
Khấu hao TSCĐ cho thuê, chi phí cho thuê	1.071.076.633	2.592.555.122
Các khoản khác	2.693.075.595	526.500.349
Tổng	3.824.086.910	3.392.153.411
Lợi nhuận thuần khác	11.487.466.485	8.617.670.932

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	853.723.112.390	713.041.249.448
Chi phí nhân công	864.644.043.204	633.635.293.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.038.707.692	49.005.708.673
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	(739.395.508)	275.257.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	528.541.578.768	448.400.460.805
Chi phí khác bằng tiền	69.109.433.471	50.173.139.008
Tổng	2.364.317.480.017	1.894.531.108.130

6.12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Tổng Công ty và các Công ty con	17.263.724.482	11.167.792.818
Tổng	17.263.724.482	11.167.792.818

6.13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	43.627.599
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(75.142.306)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(75.142.306)	43.627.599

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại)
Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (VND)	48.727.598.410	22.055.508.749
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành (VND)	-	(7.648.253.443)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	48.727.598.410	14.407.255.307
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	20.000.000	19.269.669
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.436	748

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty và các Công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 có thể được phân bổ cho quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi quỹ thưởng ban điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

Trình bày lại Chi tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được trình bày lại do trong năm 2025 Tổng Công ty và các Công ty con thực hiện phân phối lợi nhuận theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty và các Công ty con, theo đó trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành, do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được trừ ½ số trích. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 thay đổi như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 Số đã trình bày	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 Số trình bày lại	Chênh lệch
Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (VND)	22.055.508.749	22.055.508.749	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành (VND)	-	(7.648.253.443)	(7.648.253.443)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	22.055.508.749	14.407.255.307	(7.648.253.443)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19.269.669	19.269.669	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.145	748	(397)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các cam kết****Cam kết cho thuê hoạt động**

Tổng Công ty và các Công ty con hiện đang cho thuê kho, nhà xưởng, thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

7.2 Nợ tiềm tàng

Liên quan đến vụ hỏa hoạn tại Công ty Cổ phần Máy Tam Quan và nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm của Công ty Bảo hiểm MCI Bình Minh - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC) và bên thứ ba có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty Cổ phần Invest Solar NBC (SOLAR NBC — đơn vị thuê mặt bằng của Công ty Cổ phần Máy Tam Quan có tài sản bị cháy trong vụ hỏa hoạn), theo đó, MIC yêu cầu Công ty Cổ phần Máy Tam Quan thanh toán nghĩa vụ mà MIC đã thanh toán cho SOLAR NBC theo Hợp đồng bảo hiểm số 13473/20/HD-TS.1.1/005-PKD9 của SOLAR NBC với MIC, số tiền 4.999.718.797 VND.

Theo Công văn số 15/CV - MTQ ngày 03/11/2021 của Công ty Cổ phần Máy Tam Quan, Công ty Cổ phần Máy Tam Quan không tham gia vào việc ký kết hợp đồng bảo hiểm số 13473/20/HD-TS.1.1/005-PKD9 của SOLAR NBC và MIC, do đó không có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng bảo hiểm này. Ngoài ra, theo Hợp đồng số 03/2020/NBC- Tam Quan với SOLAR NBC không đề cập đến trách nhiệm của bên còn lại nếu xảy ra hỏa hoạn. Do đó, Công ty Cổ phần Máy Tam Quan không thanh toán bất cứ khoản tiền tổn thất nào liên quan đến SOLAR NBC và đề nghị MIC thanh toán số tiền tổn thất thực tế là 1.479.573.844 VND.

Ngày 06/01/2022, Công ty Cổ phần Máy Tam Quan đã gửi Công văn số 01/CV-MTQ đến MIC, đề nghị giải quyết số tiền bảo hiểm mà Công ty Cổ phần Máy Tam Quan được hưởng theo hợp đồng bảo hiểm đã ký với MIC, số tiền 1.479.573.844 VND.

Ngày 11/02/2022, MIC gửi Công văn số 167/2022/MIC-HO đến Công ty Cổ phần Máy Tam Quan, phản hồi Công văn số 01/CV-MTQ ngày 06/01/2022. Theo đó, MIC nêu rõ trách nhiệm bồi hoàn số tiền bồi thường cho SOLAR NBC là trách nhiệm của Công ty Cổ phần Máy Tam Quan, do đó, MIC sẽ cần trừ 1.479.573.844 VND tiền bồi thường cho Công ty Cổ phần Máy Tam Quan, đồng thời Công ty Cổ phần Máy Tam Quan còn phải trả lại cho MIC số tiền 3.520.144.953 VND.

Ngày 17/02/2022, Công ty Cổ phần Máy Tam Quan đã gửi Công văn số 03/CV-MTQ đến MIC phản hồi Công văn số 167/2022/MIC-HO 11/02/2022. Theo đó, Công ty Cổ phần Máy Tam Quan cho rằng việc MIC quy trách nhiệm cho Công ty Cổ phần Máy Tam Quan là bên thứ ba có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Invest Solar NBC là không có căn cứ pháp lý.

Do chưa thống nhất được phương án giải quyết và xử lý khiếu nại, Ban Tổng Giám đốc chưa thể lượng hóa chính xác quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Máy Tam Quan để tiến hành ghi nhận Tài sản và Nợ phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, giữa các bên vẫn chưa thống nhất các nội dung nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**a. Phát hành trái phiếu chuyển đổi**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 33/2025/HĐQT ngày 14/7/2025 thông qua việc triển khai phương án trái phiếu chuyển đổi ra công chúng; chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng như sau:

Tổ chức phát hành: Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần;

Mã trái phiếu: MNB425001;

Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền; 100% khối lượng trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau 24 tháng kể từ ngày phát hành; Tỷ lệ chuyển đổi: 1:5 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 05 cổ phần phổ thông)

Tổng giá trị phát hành: 180.000.000.000 VND (Một trăm tám mươi tỷ đồng), tương ứng với 1.800.000 Trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/ Trái phiếu;

Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách nhận quyền mua Trái phiếu theo quy định;

Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn: Thanh toán nợ vay cho các Ngân hàng TMCP;

Kỳ hạn trái phiếu: 02 năm kể từ ngày phát hành;

Lãi suất: 5%/ năm;

Cũng tại ngày 14/7/2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 34/2025/HĐQT về việc thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 35/2025/HĐQT về việc thông qua hồ sơ phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty đang thực hiện các bước để phát hành trái phiếu chuyển đổi theo phương án đã phê duyệt.

b. Chia cổ tức năm 2024

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 39/2025/HĐQT ngày 25/7/2025 về việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 20%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 2.000 VND). Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 18/8/2025, ngày thanh toán là ngày 29/8/2025.

7.4 Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy Vinatex Đức Phở	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

a) Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	306.000.000	306.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	108.000.000	108.000.000
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Tiền lương, thưởng	5.129.840.729	4.362.460.030
Tổng		5.543.840.729	4.776.460.030

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b) Giao dịch chủ yếu với bên liên quan trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Bán hàng				
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy Quần áo, nguyên phụ liệu Tiền thuê nhà Chi phí xuất nhập khẩu Hàng hóa, dịch vụ khác Điện, ăn, nước, thuê máy Tiền thuê nhà Hàng hóa, dịch vụ khác Quần áo, nguyên phụ liệu Điện, ăn, nước, thuê máy Hàng hóa, dịch vụ khác Quần áo, nguyên phụ liệu Điện, ăn, nước, thuê máy Tiền thuê nhà Hàng hóa, dịch vụ khác Dịch vụ khác	35.287.663.960 146.532.464 1.363.889 270.210.496 1.695.773.577 772.639.411 59.504.341 441.821.724 6.944.444 - - 6.400.000 31.536.191.636 1.609.107 348.672.871 - -	37.882.301.360 531.711.411 27.911.111 263.980.961 965.591.227 474.918.040 45.331.521 356.780.724 196.387.012 3.500.000 9.052.250 164.150.694 33.935.968.328 875.278.081 31.740.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	Công ty liên kết			

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTPC
Số 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b) Giao dịch chủ yếu với bên liên quan trong kỳ (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Mua hàng				
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Dịch vụ vận chuyển Hàng hóa dịch vụ khác	82.913.822.678 22.876.967.572	75.955.451.176 16.100.306.875 5.722.886.017
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	18.042.122.700	20.628.801.630
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	6.276.557.358	14.014.436.256
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Thiết bị, công cụ dụng cụ Hàng hóa dịch vụ khác	26.470.349.020	8.686.220.540 6.500.000
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	Công ty liên kết	Hàng hóa dịch vụ khác	9.247.826.028	10.796.299.858
c) Số dư chủ yếu với bên liên quan				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	68.078.132.016	56.013.618.741
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	651.018.667	4.466.823.479
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	14.036.000	14.036.000
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	66.540.194.181	50.754.226.874
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	12.150.000	12.150.000
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	639.727.000	639.727.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	42.476.400
		Bán hàng hóa, dịch vụ	221.006.168	84.178.988

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c) Số dư chủ yếu với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khác ngắn hạn				
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Các khoản thu, chi hộ	33.484.610.390	33.061.367.927
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	Tiền cho mượn, thu chi hộ	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Các khoản thu, chi hộ	24.989.510.833	24.989.510.833
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Các khoản thu, chi hộ	7.423.237.451	6.999.994.988
			71.862.106	71.862.106
Phải thu khác dài hạn				
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Các khoản thu, chi hộ	12.700.000.000	12.700.000.000
			12.700.000.000	12.700.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	Ứng tiền tiền mua hàng	12.683.923.602	21.168.934.442
			-	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Ứng tiền tiền mua hàng	1.288.002.898	5.899.802.041
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	Công ty liên kết	Ứng tiền tiền mua hàng	6.971.324.183	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Ứng tiền tiền mua hàng	4.424.596.521	5.269.132.401
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Phải trả người bán	24.570.190.868	15.493.909.274
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Phải trả người bán	10.195.944.485	3.924.894.331
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Phải trả người bán	2.421.505.264	1.888.426.943
			10.579.452.345	3.271.763.565
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	Công ty liên kết	Phải trả người bán	1.373.288.774	6.408.824.435
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Phải trả khác	1.282.500.000	472.500.000
			1.282.500.000	472.500.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 04 Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập



Đặng Minh Tuyền

Kế toán trưởng



Đặng Minh Tuyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân





Số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM

Ngày 02 tháng 01 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN*(Về việc ký các Văn bản, Hợp đồng và Báo cáo chuyên ngành)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua vào ngày 20 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc**, số Căn cước Công dân: 026072001408 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 22/11/2021, là Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam. Bằng Văn bản này ủy quyền cho: **Bà Bùi Thị Thủy - Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, số Căn cước Công dân: 001175036041 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 14/5/2023, thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Ký các Văn bản, Hồ sơ chào hàng, chào phí, Hồ sơ quan tâm, Hồ sơ đề xuất, Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ làm rõ Hồ sơ quan tâm các dịch vụ tài chính chuyên ngành;
- Tham gia thương thảo, ký Biên bản thương thảo Hợp đồng, Hợp đồng, thư thỏa thuận cung cấp các dịch vụ tài chính chuyên ngành. Ký thanh lý Hợp đồng, Hóa đơn GTGT các dịch vụ thuộc phạm vi được phép kinh doanh của Công ty có giá trị từ 500 triệu đồng trở xuống;
- Ký các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo kết quả công tác soát xét, Báo cáo tư vấn, Báo cáo kết quả (thẩm định giá/định giá), Chứng thư (thẩm định giá/định giá), Hồ sơ tư vấn định giá.

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và không được ủy quyền lại cho bên thứ 3. Bà Bùi Thị Thủy chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Giấy Ủy quyền này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 01 bản lưu tại bộ phận Văn thư của Công ty.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT **CHỨNG VIÊN** **NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Phú Hà



Dương Đức Hiếu

Bùi Thị Thủy

Số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM

Ngày 02 tháng 01 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN*(Về việc ký các Văn bản, Hợp đồng và Báo cáo chuyên ngành)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua vào ngày 20 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà** - Chủ tịch HĐQT, số Căn cước Công dân: 026072001408 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 22/11/2021, là Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam. Bằng Văn bản này ủy quyền cho: Bà **Bùi Thị Thúy** - Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, số Căn cước Công dân: 001175036041 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 16/07/2024, thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Ký các Văn bản, Hồ sơ chào hàng, chào phí, Hồ sơ quan tâm, Hồ sơ đề xuất, Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ làm rõ Hồ sơ quan tâm các dịch vụ tài chính chuyên ngành;
- Tham gia thương thảo, ký Biên bản thương thảo Hợp đồng, Hợp đồng, thư thỏa thuận cung cấp các dịch vụ tài chính chuyên ngành. Ký thanh lý Hợp đồng, Hóa đơn GTGT các dịch vụ thuộc phạm vi được phép kinh doanh của Công ty có giá trị từ 500 triệu đồng trở xuống;
- Ký các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo kết quả công tác soát xét, Báo cáo tư vấn, Báo cáo kết quả (thẩm định giá/dịnh giá), Chứng thư (thẩm định giá/dịnh giá), Hồ sơ tư vấn định giá.

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và không được ủy quyền lại cho bên thứ 3. Bà **Bùi Thị Thúy** chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Giấy Ủy quyền này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 01 bản giao đồng với Ban Giám đốc của Công ty.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT Ngày 23-09-2025 NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CHỦ TỊCH HĐQT PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**CÔNG CHỨNG VIÊN**

(Signature)
Bùi Thị Thúy

(Signature)
Nguyễn Xuân Chung

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

- Tên tổ chức niêm yết : TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên giao dịch : TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
- Mã chứng khoán : MNB
- Nội dung xin định chính như sau:

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán theo đúng thời gian quy định.

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần nhận thấy một số sai sót trong việc trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 và năm 2024, nguyên nhân là do lỗi kỹ thuật trong quá trình thao tác. Điều này dẫn đến một số nội dung đang trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 và 2024 đã được kiểm toán cần định chính lại cho phù hợp.

Theo đó, các nội dung, thông tin đã trình bày, thông định chính và thông tin sau định chính được trình bày như sau:

Stt	Nội dung	Thông tin đã trình bày	Thông tin định chính	Thông tin sau định chính
1	Phần 1.4 Cấu trúc doanh nghiệp Mục (iii) theo báo cáo kiểm toán năm 2023 và 2024 - Hợp nhất	Công ty Cổ phần May Bình Thuận	Bổ sung cụm từ "- Nhà Bè" do trình bày thiếu thông tin	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè
2	Phần 1.4 Cấu trúc doanh nghiệp Mục (iv) theo báo cáo kiểm toán năm 2023 và 2024 - Hợp nhất	Công ty Cổ phần May Bình Thuận	Bổ sung cụm từ "- Nhà Bè" do trình bày thiếu thông tin	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè
3	Phần 5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình theo báo cáo kiểm toán năm 2023 - Hợp nhất	Quyền sử dụng đất: - Khấu hao trong năm: 26.666.667 VND - Hao mòn lũy kế: 5.301.491.416 VND - Giá trị còn lại: 14.316.520.203 VND	Bổ sung giá trị khấu hao trong năm của quyền sử dụng đất là 562.266.216 VND.	Quyền sử dụng đất: - Khấu hao trong năm: 588.932.883 VND - Hao mòn lũy kế: 5.863.757.632 VND - Giá trị còn lại: 13.754.253.987 VND

Các nội dung khác giữ nguyên như Báo cáo đã công bố.

Công văn này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung định chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng giám đốc;
- P.TGD liên quan;
- Lưu: VP, TCKT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN NGỌC LÂN



Ý KIẾN CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM xác nhận nội dung đính chính nêu trên phù hợp với thông tin và số liệu của Tổng Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Số Công văn đính chính: 1036/2025/CV-CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
KT. CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



BÙI THỊ THÚY



Số: 107/MNB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

**CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ
CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ**

I. BÊN CAM KẾT

- Tên tổ chức phát hành: Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Địa chỉ Trụ sở chính: số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh
(Địa chỉ cũ: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)
- Điện thoại: 028 3872 0077 Fax: 028 3872 5107
- Website: www.nhabe.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 26 ngày 26/06/2024

II. NỘI DUNG CAM KẾT

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng tại UBCKNN.

Bằng văn bản này, Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần ("Tổ Chức Phát Hành") cam kết với Người Sở Hữu Trái Phiếu/Nhà Đầu Tư sẽ tuân thủ và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể:

1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà Đầu Tư về điều kiện phát hành

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, bao gồm các điều kiện dưới đây:

- Có phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu được Đại hội đồng cổ đông của Tổ Chức Phát Hành thông qua;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu;
- Có cam kết thực hiện niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;
- Tổ Chức Phát Hành có tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán;
- Tổng giá trị Trái Phiếu tính theo mệnh giá không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá;
- Mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;
- Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;

- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.

2. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà Đầu Tư về nghĩa vụ thanh toán

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho Nhà Đầu Tư/Người Sở Hữu Trái Phiếu và bảo đảm việc thanh toán được thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch, trong đó:

- Tiền lãi Trái Phiếu: được trả định kỳ 01 năm/lần, vào ngày tròn 1 năm kể từ Ngày Phát Hành (đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên), hoặc kể từ ngày trả lãi liền kề trước đó (đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo) ("Ngày Trả Lãi"). Nếu Ngày Trả Lãi là ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, tết thì việc thanh toán lãi Trái Phiếu sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

3. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà Đầu Tư về việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

Tổ Chức Phát Hành cam kết bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với và liên quan tới Trái Phiếu theo quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

4. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện, thời hạn tiến hành chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi và các điều kiện khác

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện nghĩa vụ mình đối với nhà đầu tư về điều kiện, thời hạn tiến hành chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi và các điều kiện khác theo quy định trong Phương án phát hành Trái Phiếu và các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch.

5. Hiệu lực

Cam kết này có hiệu lực kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi Trái Phiếu đáo hạn.

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần xin đảm bảo rằng những thông tin này là đúng sự thật và cam kết chịu mọi hình thức xử lý nếu có bất kì thông tin nêu trên không chính xác.

Trân trọng./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC LÂN

